



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM**  
**BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

# BẢN TIN

# KINH TẾ VĨ MÔ

— SỐ THÁNG 02/2026 —



## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI</b>	<b>1</b>
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 01/2026	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	8
<b>PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM</b>	<b>9</b>
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 01/2026	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	11
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	12
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	13
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	13
1.2.2. Lãi suất	14
1.2.3. Tỷ giá	15
1.2.4. Chứng khoán	16
1.2.5. Lạm phát	17
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	18
2.1. Về chủ trương, chính sách	18
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	20
<b>PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO</b>	<b>21</b>
1. Thị trường dầu thô	21
2. Thị trường khí	29
3. Thị trường phân bón	34
4. Thị trường điện	40
<b>PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>43</b>
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 01 năm 2026</i>	45



PHẦN I

## KINH TẾ THẾ GIỚI

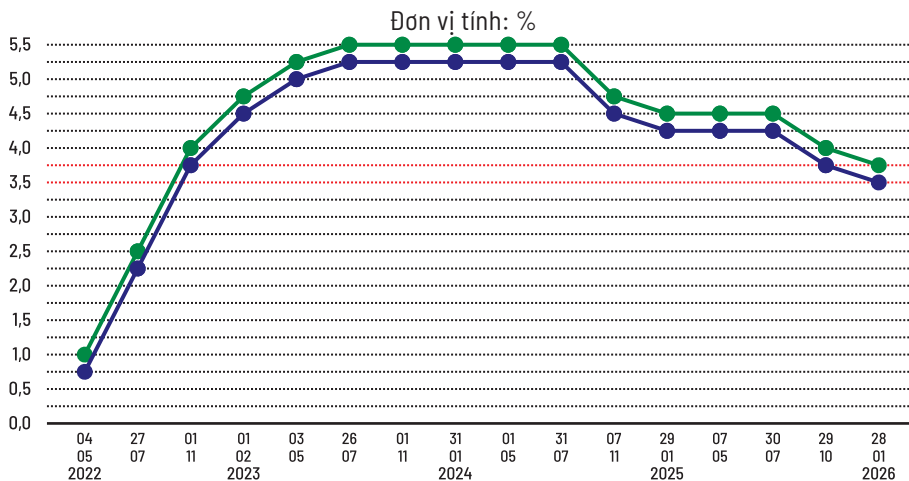
### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 01/2026

#### 1.1. Tổng quan chung

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu bước sang năm 2026 với nhiều tín hiệu đan xen giữa ổn định và thách thức mới, các quyết sách tiền tệ của những nền kinh tế lớn tiếp tục đóng vai trò then chốt, định hình xu hướng tăng trưởng, dòng vốn và tâm lý thị trường trên phạm vi toàn cầu. Ngày 28/01/2026, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp chính sách đầu tiên của năm nay, với lý do nền kinh tế lớn nhất thế giới vẫn tăng trưởng mạnh mẽ. Động thái của Fed diễn ra trong bối cảnh cơ quan này đang phải đối phó với sức ép ngày càng tăng từ Tổng thống Donald Trump về việc yêu cầu cắt giảm lãi suất.

Cùng với Fed, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và Ngân hàng Anh (BoE) cũng lựa chọn cách tiếp cận thận trọng, ưu tiên ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát hơn là kích thích tăng trưởng mạnh mẽ trong ngắn hạn.

FED GIỮ NGUYÊN LÃI SUẤT NGÀY 28/01/2026



Nguồn: Cục Dự trữ Liên bang Mỹ

Trong thị trường ngoại hối và hàng hóa tháng 01/2026, việc đồng USD suy yếu trong một số giai đoạn làm cho hàng hóa định giá bằng USD trở nên hấp dẫn hơn, đồng thời góp phần tạo động lực tăng giá cho dầu thô vào cuối tháng. Theo dữ liệu thị trường ngày 29/01, giá dầu Brent và WTI lần lượt đạt mức cao nhất trong nhiều tháng, phần lớn do lo ngại gián đoạn nguồn cung liên quan đến căng thẳng Trung Đông.

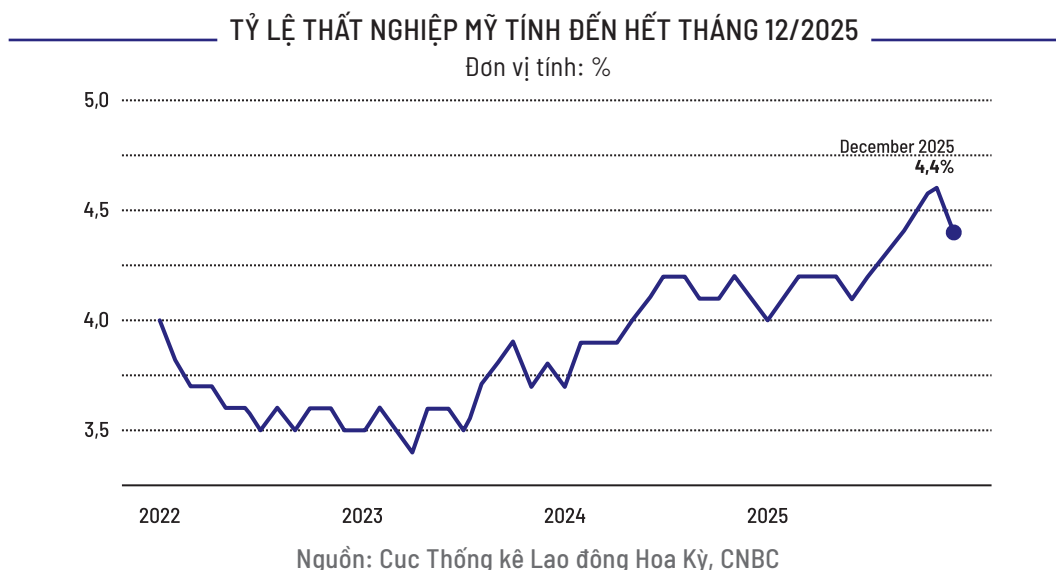
Hoạt động sản xuất toàn cầu cho thấy sự cải thiện trong tháng 01/2026 với chỉ số PMI sản xuất khu vực đồng euro của HCOB, đã tăng lên 49,5 trong tháng 1 từ mức thấp nhất trong chín tháng là 48,8 vào tháng 12. Hoạt động sản xuất tại hai cường quốc xuất khẩu Nhật Bản và Hàn Quốc đã đạt mức cao nhất trong nhiều năm, cho thấy triển vọng tươi sáng hơn. Hoạt động sản xuất của Trung Quốc cũng mở rộng với tốc độ nhanh hơn khi các đơn đặt hàng xuất khẩu phục hồi, trái ngược với báo cáo chính thức trước đó cho thấy hoạt động đang suy yếu. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất của Ấn Độ đã tăng nhẹ khi nhu cầu cải thiện, mặc dù mức tăng này không đủ mạnh để thúc đẩy sự lạc quan trong kinh doanh hoặc tăng đáng kể số lượng việc làm.

### 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

#### ▪ Mỹ

Trong tháng 1/2026, nền kinh tế Mỹ ghi nhận mức tăng trưởng GDP 4,4%, vượt dự báo, chủ yếu nhờ tiêu dùng nội địa mạnh mẽ cùng sự cải thiện trong xuất khẩu và đầu tư kinh doanh. Con số này cho thấy sức chống chịu đáng kể của nền kinh tế Mỹ, bất chấp lãi suất cao và những bất ổn toàn cầu. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn mang tính phân hóa, khi lợi ích tập trung nhiều hơn ở nhóm thu nhập cao và doanh nghiệp lớn, còn áp lực chi phí sinh hoạt vẫn đè nặng lên tầng lớp trung lưu và thu nhập thấp.

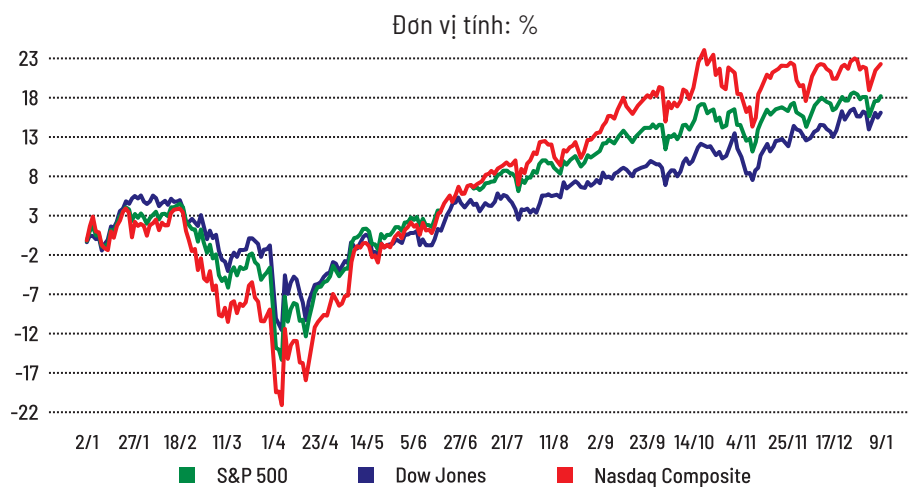
Báo cáo việc làm phi nông nghiệp mới nhất của Mỹ cho thấy số việc làm phi nông nghiệp tăng 50.000 trong tháng, thấp hơn so với ước tính 73.000 của các nhà kinh tế được Dow Jones khảo sát. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp giảm nhẹ xuống 4,4%, trong khi các nhà kinh tế dự báo là 4,5%. Với 7,5 triệu người thất nghiệp và tích cực tìm việc tại Mỹ vào tháng 12/2025, khoảng 26% thuộc nhóm thất nghiệp dài hạn, tức tìm việc trong hơn 27 tuần mà vẫn chưa có việc làm.



Ngoài chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa Mỹ cũng là điểm nóng trong tháng 1/2026 khi Quốc hội và Nhà Trắng diễn ra các cuộc đàm phán quyết định về ngân sách liên bang cho năm tài khóa 2026. Trong bối cảnh hết hạn một số điều khoản về trợ cấp ACA và các khoản tín thuế từ cuối năm 2025, Quốc hội đã phải làm việc gấp rút để thông qua các dự luật chi tiêu liên bang nhằm tránh gián đoạn dịch vụ và dự kiến chi trả trong tương lai. Cụ thể, trong tháng 1, gói ngân sách liên bang 2026 đã được thông qua bao gồm các dự luật chi tiêu cho các cơ quan như Nội vụ, Khoa học, Năng lượng và các chương trình liên quan khác, qua đó tạo ra nền tảng tài khóa tạm thời trước khi các vấn đề chi tiết còn lại được giải quyết.

Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận nhịp điều chỉnh mạnh sau khi liên tục đạt đỉnh vào cuối năm 2025, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước bối cảnh vĩ mô và chính sách tiền tệ. Trong phiên 26/1, chỉ số S&P 500 đã nhích tăng 0,5% lên 6.950 điểm; Chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones tiến thêm 314 điểm, tương đương 0,64% và chốt phiên với 49.412 điểm; Chỉ số thiên về công nghệ Nasdaq Composite nhích lên 0,43% và đóng cửa ở mức 23.601 điểm.

### BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN MỸ TỪ ĐẦU NĂM 2025 ĐẾN HẾT THÁNG 26/1/2026



Nguồn: CNBC

Bên cạnh đó, Tổng thống Mỹ Donald Trump hôm 7/1 đã ký một sắc lệnh hành pháp chỉ đạo các cơ quan chính phủ nước này rút khỏi 66 tổ chức quốc tế. Các tổ chức và cơ quan khác mà Mỹ sẽ rút khỏi bao gồm Hiệp ước Năng lượng Không Carbon, Đại học Liên hợp quốc, Ủy ban Tư vấn Bông Quốc tế, Tổ chức Gõ Nhiệt đới Quốc tế, Quan hệ đối tác vì Hợp tác Đại Tây Dương, Viện Địa lý và Lịch sử Liên Mỹ, Liên đoàn Quốc tế các Hội đồng Nghệ thuật và Cơ quan Văn hóa và Nhóm Nghiên cứu Chì và Kẽm Quốc tế.

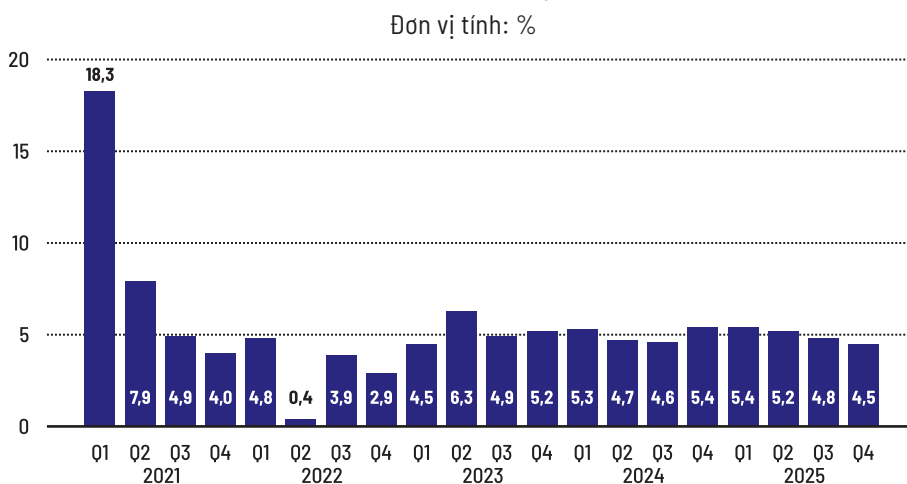
▪ **Trung Quốc**

Trong tháng 1/2026, bức tranh kinh tế Trung Quốc bước vào năm mới với nhiều diễn biến đan xen và mang tính phân hóa rõ rệt, khi cả động lực nội tại lẫn nhu cầu từ thị trường quốc tế đều tạo ra những sức ép khác nhau đối với tăng trưởng. Đáng chú ý, chỉ số PMI chính thức do Tổng cục Thống kê Trung Quốc công bố giảm xuống còn 49,3 điểm, thấp hơn tháng 12/2025 và tiếp tục nằm dưới ngưỡng 50 điểm - ngưỡng phản ánh sự mở rộng của hoạt động sản xuất.

Tuy nhiên, các khảo sát riêng biệt từ khu vực tư nhân lại cho kết quả khác, khi chỉ số PMI tổng hợp của khu vực tư nhân tăng lên 50,3, vượt ngưỡng 50 điểm và cao nhất kể từ tháng 10/2025, nhờ xu hướng đơn hàng xuất khẩu tăng trở lại, nhất là từ thị trường Đông Nam Á, và sức sản xuất được thúc đẩy trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Sự khác biệt này cho thấy cấu trúc nền kinh tế Trung Quốc đang trải nghiệm tình trạng phân hóa giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ/tư nhân.

Bên cạnh đó, những dữ liệu lớn hơn về tăng trưởng GDP và triển vọng vĩ mô cũng cho thấy Trung Quốc đang bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm lại so với các năm trước. GDP quý IV/2025 ghi nhận mức tăng 4,5%, thấp nhất trong gần 3 năm, dù tổng GDP cả năm 2025 vẫn đạt mục tiêu 5,0% do xuất khẩu mạnh mẽ bù đắp cho tiêu dùng nội địa yếu.

**TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP HÀNG QUÝ CỦA TRUNG QUỐC  
SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC TỪ QUÝ I/2021 ĐẾN NAY**

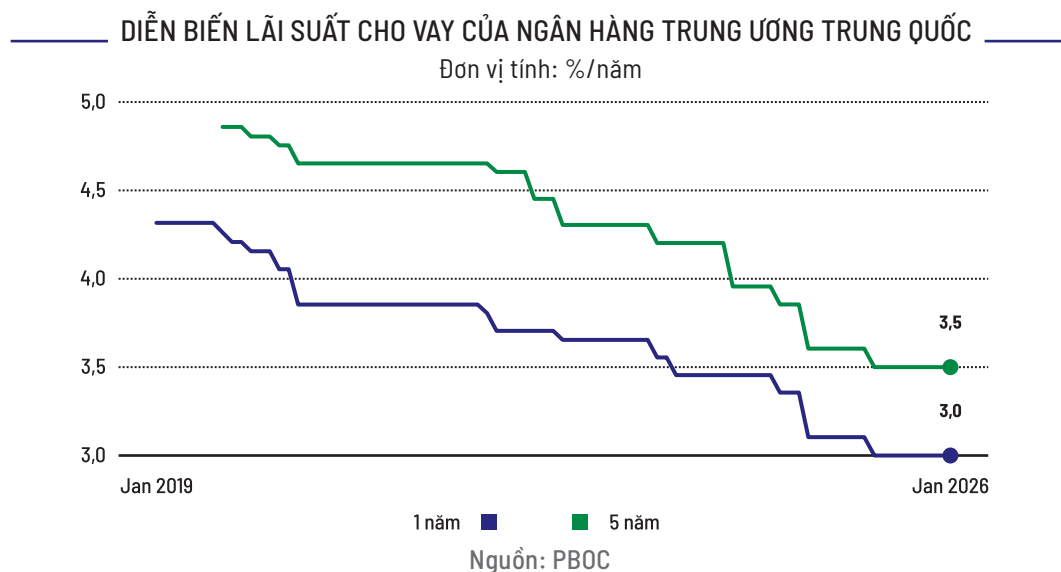


Nguồn: NBS/CNBC

Trong bối cảnh đó, chính sách tiền tệ và tài khóa của Bắc Kinh tiếp tục mang tính hỗ trợ, với các biện pháp kích thích như cắt giảm một số lãi suất chuyên ngành nhằm kích thích hoạt động sản xuất và hỗ trợ tiêu dùng. Các nhà hoạch định chính sách nhấn mạnh tập trung vào thúc đẩy tiêu dùng nội địa và nâng cao cơ cấu sản xuất, đồng thời đặt mục tiêu tăng trưởng GDP cho năm 2026 trong khoảng 4,5% - 5,0% để phản ánh thực tế mới của nền kinh tế.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 02/2026

Ngày 21/01, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) tiếp tục giữ nguyên lãi suất cơ bản, cho thấy Bắc Kinh vẫn thận trọng với việc nới lỏng tiền tệ trên diện rộng, trong bối cảnh nền kinh tế giảm tốc nhưng rủi ro tài chính và áp lực tỷ giá vẫn hiện hữu. PBOC giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản LPR kỳ hạn 1 năm và 5 năm lần lượt ở mức 3% và 3,5%, đánh dấu tháng thứ tám liên tiếp không điều chỉnh. Quyết định được đưa ra khi kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại trong quý IV/2025, chỉ đạt 4,5% so với cùng kỳ năm trước - mức thấp nhất trong gần ba năm qua.



Tiêu dùng suy yếu, áp lực giảm phát và thị trường bất động sản trầm lắng tiếp tục gây sức ép lên tăng trưởng, trong khi nhu cầu tín dụng vẫn ảm đạm. PBOC hiện vẫn còn dư địa cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và lãi suất, song sẽ ưu tiên các công cụ hỗ trợ có mục tiêu, nhằm kích thích kinh tế nhưng vẫn bảo đảm ổn định hệ thống tài chính.

Vào đầu tháng 1/2026, Trung Quốc đã chính thức phê duyệt kế hoạch sáp nhập hai doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực lọc - hóa dầu và nhiên liệu hàng không nhằm thúc đẩy tái cơ cấu chiến lược và củng cố năng lực cung ứng nhiên liệu. Theo đó, Tập đoàn Hóa dầu Trung Quốc (Sinopec Group) và China National Aviation Fuel Petroleum Co (CNAFLP Corp) sẽ sáp nhập. Việc sáp nhập này được phê duyệt bởi Quốc vụ viện Trung Quốc và đăng tải trên trang web của Ủy ban Quản lý và Giám sát Tài sản Nhà nước.

Việc hợp nhất sẽ tạo ra một hệ thống kinh doanh tích hợp sâu rộng hơn từ mua sắm đến phân phối, logistics và tiếp nhiên liệu tại sân bay, giúp giảm chi phí trung gian, tăng hiệu quả chuỗi cung ứng nhiên liệu hàng không và nâng cao an ninh năng lượng quốc gia trong bối cảnh nhu cầu nhiên liệu hàng không dự báo tăng mạnh trong dài hạn. Báo cáo dẫn theo dự báo của S&P Global cho thấy mức tiêu thụ nhiên liệu hàng không của Trung Quốc dự kiến tăng từ khoảng 39,3 triệu tấn năm 2024 lên khoảng 75 triệu tấn vào năm 2040.

### ▪ EU

Trong tháng 01/2026, kinh tế Liên minh châu Âu (EU) ghi nhận đà tăng trưởng duy trì nhưng chưa thực sự bứt phá, phản ánh qua các chỉ báo hoạt động kinh doanh và dữ liệu vĩ mô tổng hợp tương đối tích cực. Theo khảo sát của S&P Global, chỉ số PMI tổng hợp của khu vực Eurozone đạt 51,5 điểm, tiếp tục nằm trên ngưỡng 50 điểm cho thấy hoạt động kinh tế vẫn trong vùng mở rộng; tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng còn chậm, khi nhu cầu mới tại một số lĩnh vực dịch vụ và sản xuất hàng hóa có dấu hiệu suy yếu. S&P Global cho biết hoạt động của lĩnh vực sản xuất được hỗ trợ nhờ số lượng đơn đặt hàng gia tăng, trong khi lĩnh vực dịch vụ ghi nhận tốc độ tăng trưởng chậm hơn.

Áp lực lạm phát tiếp tục giảm trong tháng 1/2026, khi chỉ số giá tiêu dùng ở Eurozone hạ xuống còn khoảng 1,7%, thấp hơn mục tiêu 2 % của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) do giá năng lượng giảm và đồng euro mạnh hơn. Theo đó, Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) cho biết chi phí năng lượng trong tháng 1/2026 đã giảm 4,1%, mạnh hơn so với mức giảm 1,9% hồi tháng 12/2025. Ngược lại, giá thực phẩm, đồ uống có cồn và thuốc lá đã đẩy chỉ số này từ 2,5% trong tháng 12/2025 lên 2,7% vào tháng 1/2026.

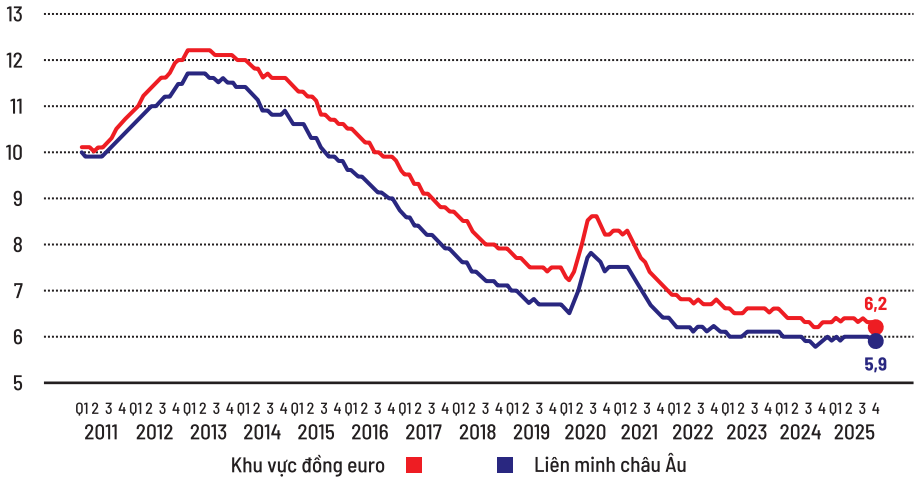
Diễn biến phân hóa theo ngành và quốc gia thành viên cũng rõ nét, ở một số nền kinh tế lớn như Italia, dịch vụ tiếp tục mở rộng với PMI dịch vụ đạt 52,9, trong khi lĩnh vực sản xuất vẫn co hẹp nhẹ, phản ánh cả phân hóa về động lực tăng trưởng nội địa và môi trường kinh doanh còn nhiều rủi ro. Trong khi đó, Pháp ghi nhận sự suy giảm hoạt động dịch vụ trong tháng 1/2026, chỉ số PMI ngành dịch vụ đã giảm xuống dưới mức 50,0 điểm, mức phân định giữa tăng trưởng và suy giảm, lần đầu tiên kể từ tháng 10, và S&P Global cho biết ngành này đã bị ảnh hưởng bởi nhu cầu yếu hơn và sự sụt giảm lượng đơn đặt hàng mới.

Trong bối cảnh đó, động lực tài khóa và quỹ phục hồi EU tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng tổng thể, với triển vọng dài hạn được cải thiện do đầu tư vào chuyển đổi số và năng lượng xanh giúp thúc đẩy năng lực sản xuất của các quốc gia thành viên. Theo đánh giá, các khoản giải ngân từ RRF đã góp phần hỗ trợ tăng trưởng GDP ngắn hạn tại nhiều quốc gia thành viên, đồng thời tạo dư địa tài khóa để chính phủ duy trì đầu tư công trong bối cảnh chính sách tiền tệ vẫn mang tính thận trọng.

Bên cạnh đó, thị trường lao động còn cho thấy sự chưa phục hồi hoàn toàn, với tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực Eurozone duy trì ở mức quanh 6,2 - 6,3 % tính đến cuối năm 2025. Mức này cho thấy tình trạng lao động ở EU vẫn đang chịu sức ép, và chưa có cải thiện rõ rệt trong tháng 1/2026

TỶ LỆ THẤT NGHIỆP TÍNH ĐẾN HẾT THÁNG 12/2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: Eurostat

## 2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng đầu năm 2026, các tổ chức kinh tế quốc tế lớn đã cập nhật dự báo tăng trưởng toàn cầu cho các năm tới, cho thấy bức tranh tăng trưởng âm ảm nhưng ổn định trong bối cảnh nhiều rủi ro còn tồn tại.

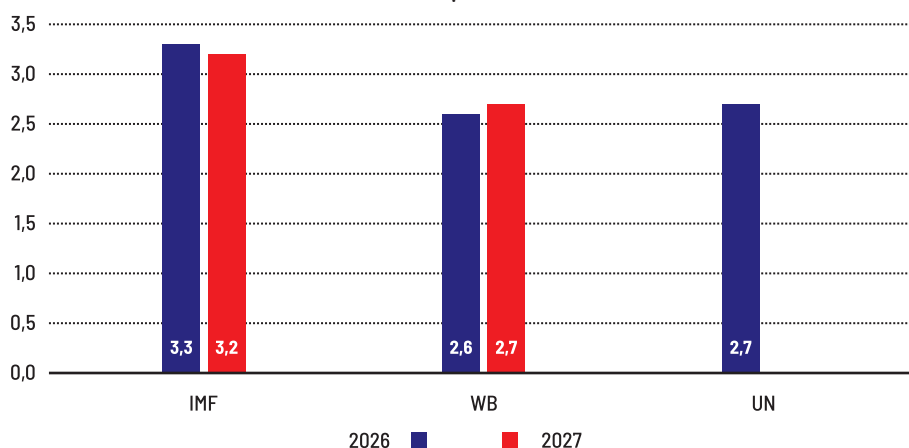
Bản cập nhật Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới được *Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)* công bố vào ngày 19/01 cho biết tăng trưởng kinh tế toàn cầu **dự báo sẽ đạt 3,3% trong năm 2026** và giữ nguyên dự báo tăng trưởng toàn cầu **3,2% cho năm 2027**. Ở các nước phát triển, tăng trưởng được dự báo là 1,8% vào 2026 và 1,7% vào 2027, trong khi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển dự kiến tăng trưởng trên 4% trong cả hai năm.

Cũng trong tháng 1/2026, *Ngân hàng Thế giới (World Bank)* công bố báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu, kinh tế toàn cầu đang cho thấy khả năng chống chịu tốt hơn so với dự kiến, dù căng thẳng thương mại kéo dài và bất định về chính sách vẫn ở mức cao. Theo đó, tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ duy trì tương đối ổn định trong năm 2026 - 2027, trong đó sẽ giảm nhẹ ở **mức 2,6% vào năm 2026** trước khi phục hồi ở mức **2,7% trong năm 2027** - cao hơn so với dự báo công bố hồi tháng 6/2025.

Còn theo Báo cáo Tình hình và Triển vọng Kinh tế Thế giới năm 2026 của *Liên Hợp quốc (UN)* dự báo sản lượng kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng **2,7% trong năm nay**, thấp hơn một chút so với mức 2,8% của năm 2025 và thấp hơn nhiều so với mức trung bình trước đại dịch Covid-19 là 3,2%.

### DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2027

Đơn vị tính: %



Nguồn: Vibiz Monitoring, tháng 01/2026



**PHẦN II**

**KINH TẾ VIỆT NAM**



Năm 2025, kinh tế vĩ mô Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng với GDP dự kiến đạt hơn 514 tỷ USD (tăng 8,02%), đưa Việt Nam lên vị trí 32 thế giới, GDP bình quân đầu người vượt 5.000 USD, chính thức vào nhóm thu nhập trung bình cao. Ổn định vĩ mô được giữ vững (lạm phát thấp, tỷ giá ổn định), thu hút FDI mạnh mẽ, xuất nhập khẩu vượt 920 tỷ USD, đầu tư công và xã hội tăng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đồng thời các thị trường tài chính phát triển, củng cố nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo

**1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 01/2026**

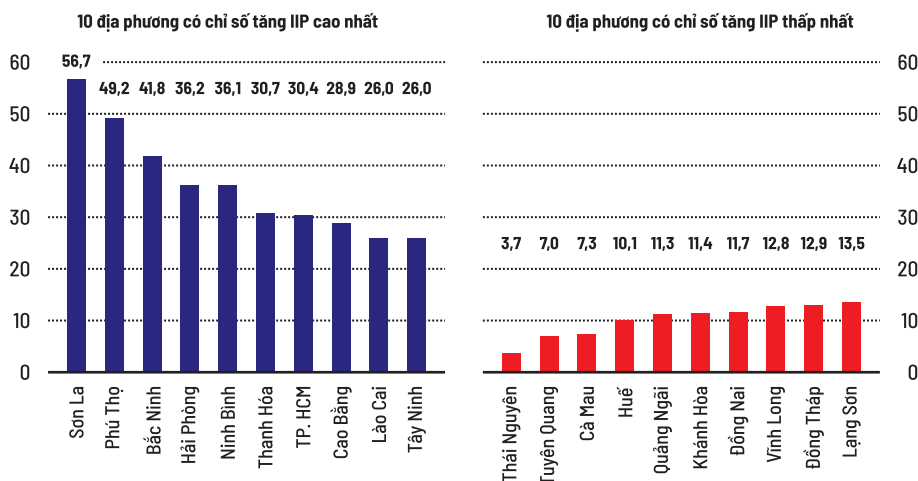
**1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội**

**1.1.1. Sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2026 ước giảm 0,2% so với tháng trước và tăng 21,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 23,6% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất và phân phối điện tăng 14,1%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 13,6%; ngành khai khoáng tăng 10,3%.

**TỐC ĐỘ TĂNG, GIẢM IIP THÁNG 01/2026 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị tính: %



Nguồn: Cục Thống kê

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Một năm 2026 so với cùng kỳ năm trước tăng ở cả 34 địa phương. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá nhờ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao. Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm

### 1.1.2. Xuất nhập khẩu

#### ▪ *Xuất khẩu hàng hóa:*

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 01/2026 đạt 43,19 tỷ USD, giảm 2,0% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,51 tỷ USD, giảm 2,0%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 33,68 tỷ USD, giảm 1,9%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Một tăng 29,7%, trong đó khu vực kinh tế trong nước giảm 1,3%, chiếm 22,0% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 42,2%, chiếm 78,0%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tháng 01/2026, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 38,43 tỷ USD, chiếm 89,0%; nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 3,65 tỷ USD, chiếm 8,5%; nhóm hàng thủy sản đạt 1,01 tỷ USD, chiếm 2,3%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản đạt 0,10 tỷ USD, chiếm 0,2%.

#### ▪ *Nhập khẩu hàng hóa:*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 01/2026 đạt 44,97 tỷ USD, tăng 0,6% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 12,91 tỷ USD, giảm 11,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 32,06 tỷ USD, tăng 6,5%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Một tăng 49,2%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 18,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 66,8%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu tháng 01/2026, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 42,3 tỷ USD, chiếm 94,0%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 56,1%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 37,9%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 2,67 tỷ USD, chiếm 6,0%.

Theo số liệu sơ bộ, cán cân thương mại hàng hóa tháng 12/2025 nhập siêu 0,64 tỷ USD; cả năm 2025 xuất siêu 20,05 tỷ USD; tháng Một nhập siêu 1,78 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,17 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 3,4 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 1,62 tỷ USD.

### 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 01/2026, cả nước có gần 24,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 180,9 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 108,2 nghìn lao động, tăng 40,9% về số doanh nghiệp, tăng 9,0% về vốn đăng ký và tăng 7,5% về số lao động so với tháng 12/2025. So với cùng kỳ năm trước, tăng 126,8% về số doanh nghiệp, tăng 92,3% về số vốn đăng ký và tăng 32,7% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 7,5 tỷ đồng, giảm 22,6% so với tháng trước và giảm 15,2% so với cùng kỳ năm trước. Số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động trong tháng 01/2026 đạt gần 358,1 nghìn tỷ đồng, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2025. Bên cạnh đó, cả nước còn có hơn 24,5 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 146,2% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2025), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong tháng 01/2026 lên gần 48,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 45,6% so với cùng kỳ năm 2025.

Theo khu vực kinh tế, tháng 01/2026 có 304 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 169,0% so với cùng kỳ năm trước; 5.480 doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 115,4%; gần 18,4 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 129,9%.

#### TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM



Nguồn: Cục Thống kê

### 1.1.4. Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư trong tháng 01/2026 tập trung chủ yếu vào phân khai kế hoạch vốn năm 2026, các công trình mới được bố trí vốn đang trong thời gian chuẩn bị hoàn tất thủ tục, hồ sơ chuẩn bị đầu tư nên khối lượng thực hiện chủ yếu tại các công trình chuyển tiếp. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 4,8% so với kế hoạch năm và tăng 19,3% so với cùng kỳ năm 2025. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tháng 01/2026 đạt 1,68 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/01/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 2,58 tỷ USD, giảm 40,6% so với cùng kỳ năm trước.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 02/2026

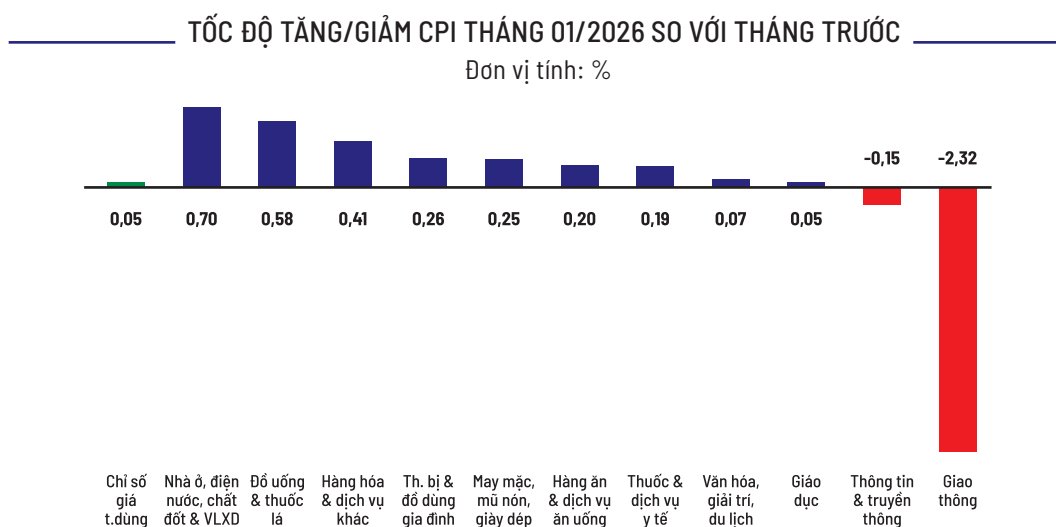
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tháng 01/2026 ước đạt 1,68 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất tháng Một trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,39 tỷ USD, chiếm 82,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 110,2 triệu USD, chiếm 6,6%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 66,6 triệu USD, chiếm 4,0%.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 238,3 triệu USD, gấp 2,9 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Xây dựng đạt 150,9 triệu USD, chiếm 63,3% tổng vốn đầu tư; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đạt 30,7 triệu USD, chiếm 12,9%; vận tải kho bãi đạt 27,9 triệu USD; chiếm 11,7%.

Trong tháng 01/2026, có 18 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Kyrgyzstan là nước dẫn đầu với 149,9 triệu USD, chiếm 62,9% tổng vốn đầu tư; Angola 30,0 triệu USD, chiếm 12,6%; Kazakhstan 21,0 triệu USD, chiếm 8,8%; Lào 12,9 triệu USD, chiếm 5,4%; Ấn Độ 6,0 triệu USD, chiếm 2,5%.

### 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2026 tăng nhẹ 0,05% so với tháng trước chủ yếu do giá thịt lợn tăng do nhu cầu tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ tăng cao, giá ăn uống ngoài gia đình, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng do nhu cầu sơn sửa nhà cửa đón năm mới của người dân tăng. CPI tháng 01/2026 tăng 2,53% so với cùng kỳ năm trước.



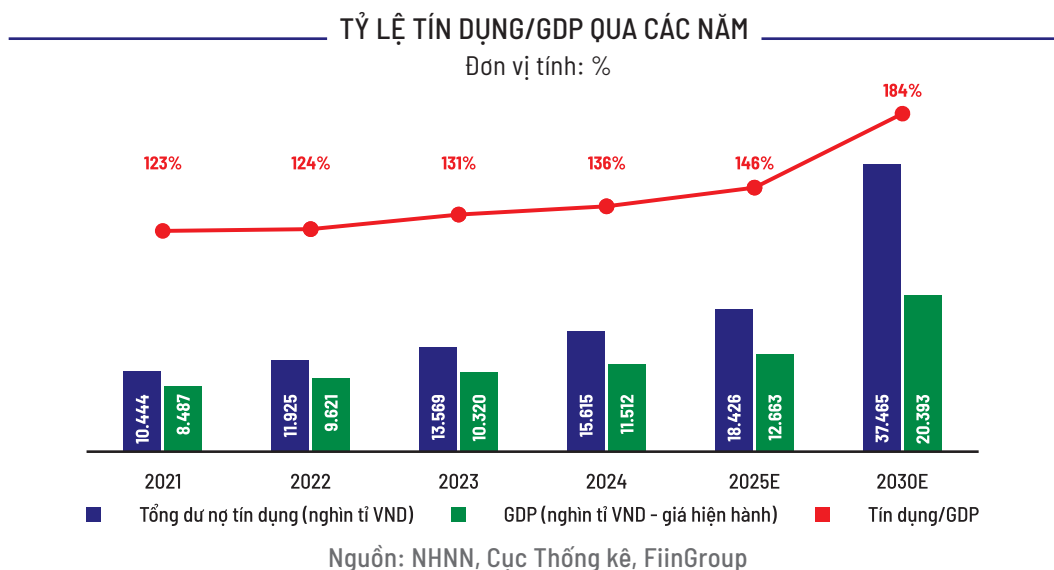
Nguồn: Cục Thống kê

## 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

### 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tín dụng được dự báo tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2026 khi Ngân hàng Nhà nước đặt mục tiêu mở rộng dư địa 2,79 triệu tỷ đồng với mức tăng 15% so với 2025. Cũng theo Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng dự báo rằng các yếu tố vĩ mô và lãi suất như: triển vọng tăng trưởng kinh tế, biến động trong nhu cầu đầu tư vào sản xuất - kinh doanh, xu hướng điều chỉnh lãi suất cho vay, sự xuất hiện của các cơ hội đầu tư mới, và diễn biến thương mại quốc tế (bao gồm việc ký kết và triển khai các hiệp định thương mại song phương hoặc đa phương), sẽ tác động tích cực đến nhu cầu tín dụng của khu vực doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2026.

Ngay từ đầu năm, tín dụng được định hướng tập trung vào chất lượng, ưu tiên các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, bán lẻ và doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời kiểm soát chặt tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản. Trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 ở mức cao, chính sách tín dụng đầu năm được điều hành linh hoạt nhưng không thúc đẩy tăng trưởng nóng, phản ánh cách tiếp cận thận trọng và chủ động của cơ quan quản lý tiền tệ.



Tốc độ tăng trưởng tín dụng cao kéo dài đang làm gia tăng đòn bẩy toàn hệ thống, trong khi các ràng buộc về an toàn vốn, cấu trúc kỳ hạn và phân bổ tín dụng ngày càng rõ nét, cho thấy dư địa tài trợ tăng trưởng bằng tín dụng ngân hàng đang thu hẹp.

Hệ thống ngân hàng hiện vẫn giữ vai trò là kênh dẫn vốn chủ đạo của nền kinh tế, đặc biệt đối với khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cấu trúc này khiến tăng trưởng kinh tế phụ thuộc lớn vào khả năng mở rộng tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào tín dụng đang tiến dần tới giới hạn an toàn.

### 1.2.2. Lãi suất

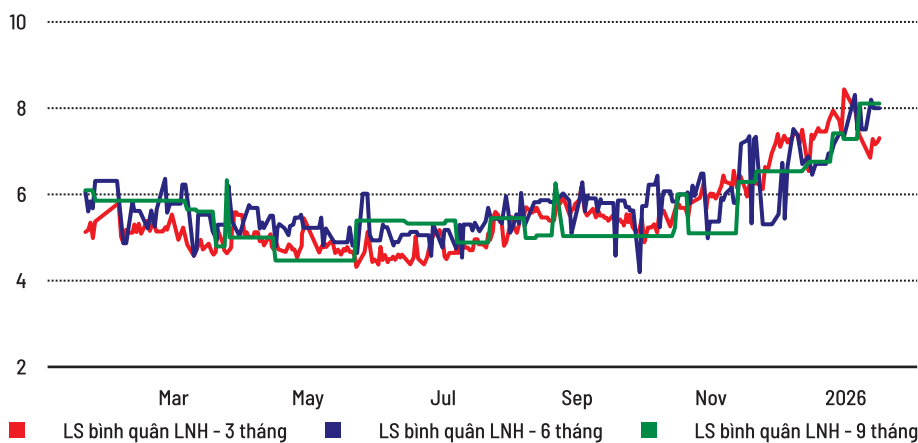
Mặt bằng lãi suất ngân hàng tại Việt Nam tháng 01/2026 ghi nhận xu hướng tăng nhẹ, phản ánh áp lực huy động vốn của hệ thống trong bối cảnh tín dụng được định hướng tăng trưởng nhưng kiểm soát chặt rủi ro. Nhiều ngân hàng thương mại đã điều chỉnh lãi suất tiền gửi đi lên, đặc biệt ở các kỳ hạn trung và dài; trong đó, lãi suất kỳ hạn ngắn phổ biến tiệm cận mức trần theo quy định, còn kỳ hạn 12 tháng tại một số ngân hàng nhỏ và vừa đã vượt mốc 7%/năm, cao hơn so với cuối năm 2025.

Tính đến ngày 26/1/2026, có 9 ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất huy động kỳ hạn 1 tháng so với ngày 29/12/2025. Ngân hàng có mức tăng mạnh nhất là VIB, với mức tăng lên tới +1,25 điểm phần trăm (đpt). Hiện tại, có 12 ngân hàng áp dụng mức lãi suất kịch trần 4,75%/năm với tiền gửi 1 tháng, là mức tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với tiền gửi dưới 6 tháng. Danh sách các ngân hàng này bao gồm: OCB, Sacombank, VPBank, TPBank, PVCombank, VIB, BVBank, PGBank, VCBNeo, NamABank, NCB, VietABank.

Trên thị trường liên ngân hàng, mặt bằng lãi suất tăng trở lại ở hầu hết các kỳ hạn. Lãi suất qua đêm tăng 71 điểm cơ bản so với cuối tuần trước, lên 3.82%. Các kỳ hạn 1 tuần và 2 tuần lần lượt tăng 26 và 22 điểm cơ bản, lên 4.25% và 4.91%.

#### DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG TRONG 1 NĂM QUA

Đơn vị tính: %/năm

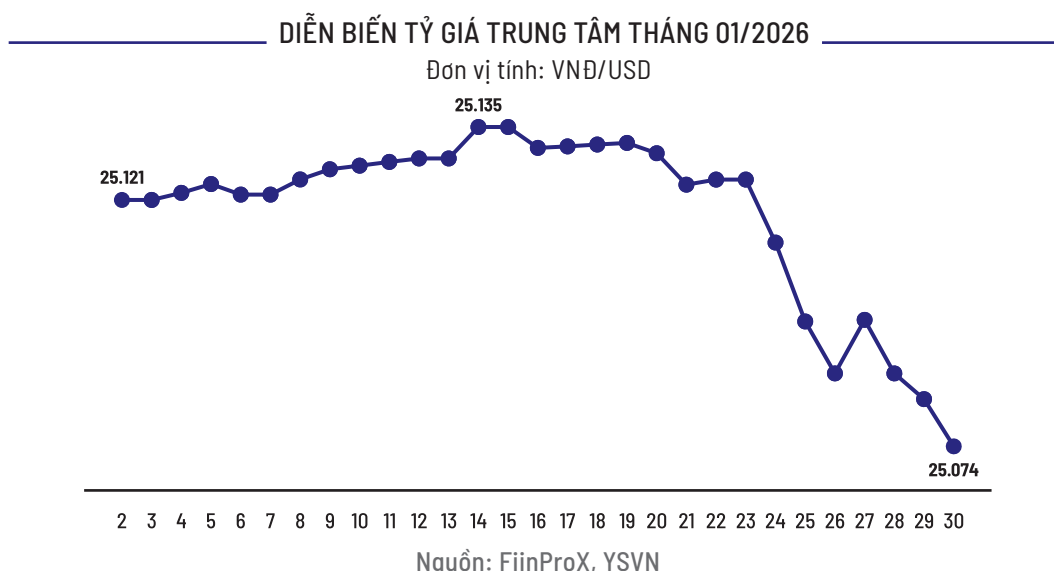


Nguồn: VietstockFinance

### 1.2.3. Tỷ giá

Trong tháng 01/2026, tỷ giá trung tâm VND/USD do Ngân hàng Nhà nước công bố nhìn chung biến động trong biên độ hẹp, phản ánh điều hành ổn định của cơ quan quản lý tiền tệ trong bối cảnh thị trường ngoại hối tương đối cân bằng. Đầu tháng, tỷ giá trung tâm được niêm yết quanh mốc 25.160-25.170 VND/USD, dao động nhẹ giữa các phiên giao dịch. Trong nửa đầu tháng, tỷ giá có xu hướng nhích tăng và giảm đan xen, chịu tác động từ diễn biến đồng USD trên thị trường quốc tế và nhu cầu ngoại tệ phục vụ thanh toán đầu năm.

Tính đến ngày 26/1, tỷ giá trung tâm VND với đồng USD tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ổn định ở mức 25.113 VND, giảm 12 VND so với phiên giao dịch trước đó. Trên thị trường Mỹ, chỉ số USD Index (DXY) đo lường biến động đồng bạc xanh với 6 đồng tiền chủ chốt (EUR, JPY, GBP, CAD, SEK, CHF) đứng ở mức 97,46 điểm.



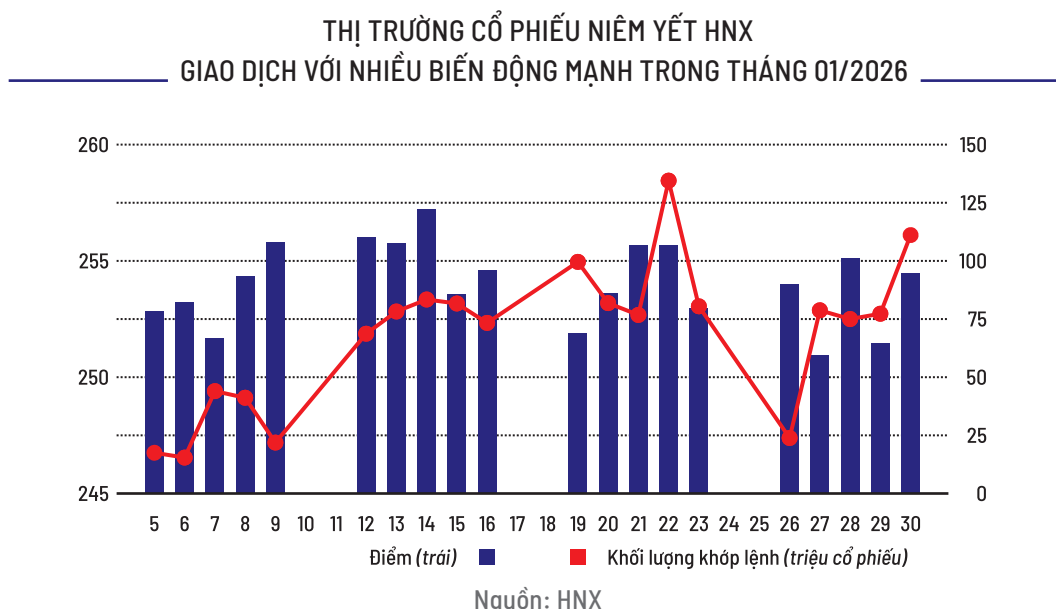
Cùng chiều với diễn biến này, tỷ giá bán USD tại các ngân hàng thương mại chỉ biến động nhẹ, duy trì trong vùng ổn định, cho thấy thị trường ngoại hối tháng 1/2026 không xuất hiện biến động lớn và vẫn nằm trong tầm kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước.

1.2.4. Chứng khoán

Theo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), tháng 01/2026, thị trường cổ phiếu niêm yết HNX giao dịch với nhiều biến động mạnh, diễn biến chỉ số giá cổ phiếu có xu hướng giảm.

Chỉ số HNX index có xu hướng tăng trong 03 tuần đầu tháng, đạt đỉnh tại phiên giao dịch ngày 22/1/2026. Giảm điểm mạnh sau khi đạt đỉnh, chỉ số HNX index lại nhanh chóng lấy lại đà phục hồi, giúp chỉ số này đóng cửa phiên giao dịch cuối tháng ở mức 256,13 điểm, tăng 2,95% so với tháng trước.

Thanh khoản thị trường tăng mạnh với khối lượng giao dịch bình quân đạt 98,5 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 31,41%, tương ứng giá trị giao dịch bình quân tăng 37,83% đạt 2.220 tỷ đồng/phiên.



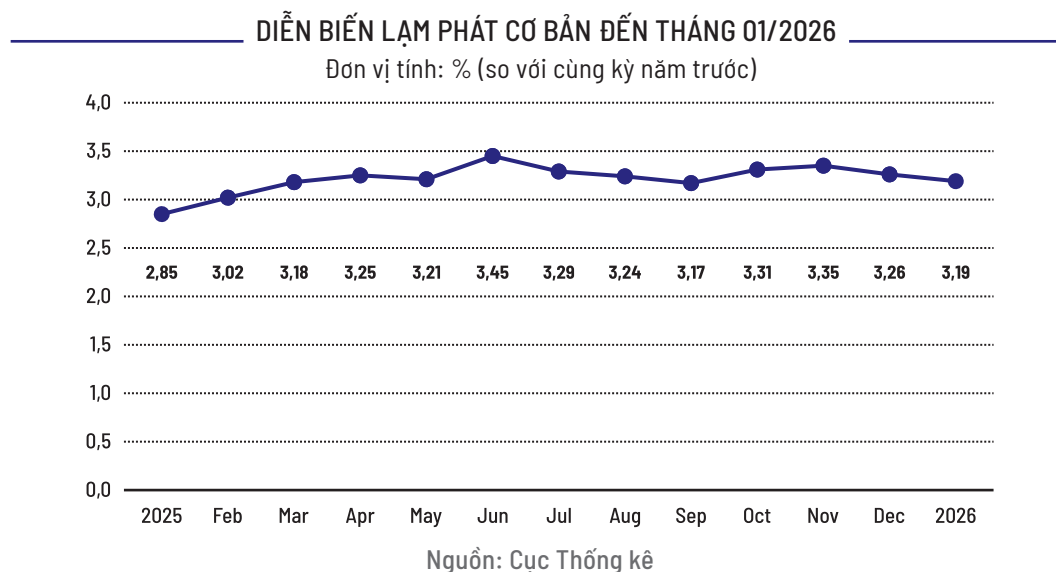
Trong khi đó, hoạt động tự doanh cổ phiếu niêm yết tại HNX của các Công ty chứng khoán thành viên giảm 71% so với tháng trước, với GTGD hơn 460 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng hơn 1% toàn thị trường). Cùng với xu hướng bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài, khối tự doanh các Công ty chứng khoán bán ròng hơn 1.071 tỷ đồng.

Tại thời điểm cuối tháng 01/2026, thị trường cổ phiếu niêm yết HNX có 302 doanh nghiệp niêm yết với tổng giá trị niêm yết đạt hơn 181 nghìn tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường tại phiên giao dịch cuối tháng đạt hơn 464,3 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng 12/2025.

Đáng chú ý, VN-Index tiến một mạch qua các ngưỡng cản để vượt qua vùng 1.900 điểm, thiết lập đỉnh lịch sử 1.902,93 điểm. Dù vậy, vài nhịp giảm mạnh khiến điểm số VN-Index đã trượt khỏi toàn bộ vùng tích lũy, để rồi quay về sát điểm xuất phát của năm.

### 1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 01/2026 tăng 0,35% so với tháng trước, tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 2,53% của CPI bình quân chung. Nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, năng lượng là yếu tố góp phần làm giảm CPI chung nhưng đã được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.



## 2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

### 2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ *Nghị quyết 01/NQ-CP về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026*

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Trong đó đã đề ra chủ đề, quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành năm 2026.

Theo đó, Chính phủ yêu cầu các cấp, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn; phát huy sức mạnh đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tự tin, tự lực, tự cường, tự chủ chiến lược, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt theo chủ đề “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững” với 05 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành.

▪ *Thông tư số 55/2025/TT-BKHHCN ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thiên nhiên thương phẩm (QCVN 140:2025/BKHHCN)*

Thông tư quy định, quy chuẩn kỹ thuật QCVN 140:2025/BKHHCN quy định mức giới hạn đối với các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan đến an toàn, sức khỏe, môi trường và các yêu cầu về quản lý chất lượng đối với khí thiên nhiên thương phẩm, bao gồm khí thiên nhiên đường ống (PNG), khí thiên nhiên nén (CNG) và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).

Khí thiên nhiên thương phẩm có mã HS được quy định tại phụ lục A theo quy định tại Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 8/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, kinh doanh, chế biến, pha chế, nhập khẩu và phân phối khí thiên nhiên thương phẩm tại Việt Nam.

Về lộ trình áp dụng, kể từ ngày 1/1/2027, tất cả các loại khí thiên nhiên thương phẩm được sản xuất, kinh doanh, chế biến, pha chế, nhập khẩu và phân phối được quy định tại QCVN 140:2025/BKHHCN phải đáp ứng các quy định tại QCVN 140:2025/BKHHCN trước khi lưu thông trên thị trường.

▪ *Nghị định số 318/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động*

Nghị định quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký lao động. Theo đó, Nghị định quy định 3 nhóm đối tượng được đăng ký lao động: Người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Bảo

hiểm xã hội số 41/2024/QH15; Người lao động đang có việc làm và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; Người thất nghiệp là người đang không có việc làm, đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc.

Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân không thực hiện việc đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký lao động theo quy định tại Nghị định này.

▪ ***Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính***

Chính phủ ban hành Nghị định số 296/2025/NĐ-CP ngày 16/11/2025 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Nghị định này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp khẩn cấp cần khắc phục ngay hậu quả vi phạm (cưỡng chế), chi phí cưỡng chế, trách nhiệm thi hành và bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế.

▪ ***Nghị định 30/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả***

Ngày 21/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 30/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Trong đó có quy định các chính sách ưu đãi thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Các dự án đầu tư, mở rộng, nâng cấp, cải tạo, chuyển đổi sang công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính; các dự án đầu tư và chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; các dự án chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến nông nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được xem xét điều chỉnh, bổ sung vào danh mục dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

Các tổ chức dịch vụ năng lượng được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước, hỗ trợ của Quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và hỗ trợ từ Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Các cơ sở sử dụng năng lượng ký kết thỏa thuận tự nguyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả với cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức cung cấp năng lượng do nhà nước quản lý hoặc ủy quyền được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ từ Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước.

Nhà nước ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với các tổ chức dịch vụ năng lượng, đồng thời khuyến khích các tổ chức dịch vụ năng lượng tham gia đào tạo, bồi dưỡng và giáo dục về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

## 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Theo Nghị quyết 01/NQ-CP được Chính phủ ban hành ngày 08/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, *Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên* gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, nhiều tổ chức quốc tế cũng đưa ra đánh giá tích cực về triển vọng kinh tế Việt Nam, cho thấy kỳ vọng cao đối với sức bật tăng trưởng của nền kinh tế, ngay cả khi môi trường kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn nhiều biến động và rủi ro.

Cụ thể, *UOB nâng dự báo GDP Việt Nam 2026 từ 7% lên 7,5%*, nhờ nền kinh tế chứng tỏ khả năng chống chịu tốt năm qua, tạo tiền đề vững chắc trong báo cáo của mình.

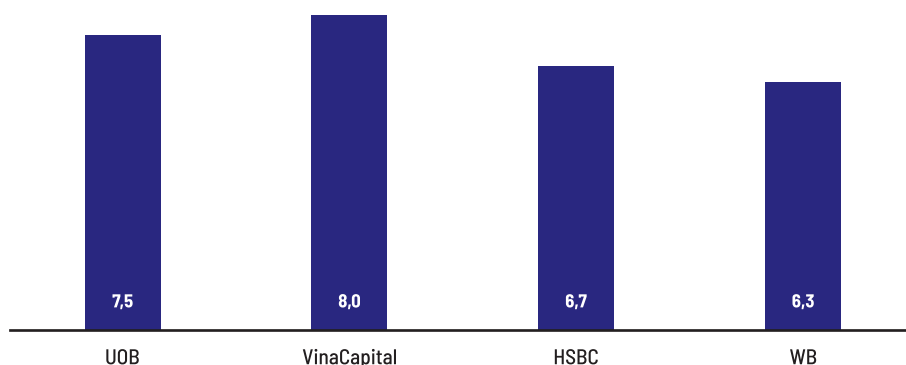
Song song đó, theo Báo cáo chiến lược 2026 mà *VinaCapital* vừa công bố, tổ chức này *dự đoán tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2026 là 8%*. VinaCapital kỳ vọng 3 động lực then chốt sẽ thúc đẩy tăng trưởng GDP năm 2026 bao gồm: sự phục hồi tiêu dùng ở mức vừa phải, mối liên kết giữa tăng trưởng hạ tầng và bất động sản, và xuất khẩu sang Mỹ tiếp tục giữ được đà ổn định.

Bên cạnh đó, *Ngân hàng HSBC* cho rằng trước nguy cơ suy giảm thương mại toàn cầu Việt Nam không phải là ngoại lệ. Tuy nhiên, việc xuất khẩu các sản phẩm “phù hợp”, như điện tử, trong bối cảnh nhu cầu được thúc đẩy bởi trí tuệ nhân tạo (AI) và thị phần ngày càng mở rộng tại thị trường Mỹ, có thể giúp Việt Nam vượt qua một số khó khăn trong hoạt động thương mại. HSBC dự báo tăng trưởng *GDP của Việt Nam sẽ đạt 6,7% trong năm 2026*, trong khi lạm phát duy trì ở mức vừa phải khoảng 3,5%.

*Ngân hàng Thế giới (WB)* cũng điều chỉnh *dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2026 lên 6,3%*, so với mức 6,1% trước đó, song lưu ý dư địa tăng trưởng vẫn phụ thuộc lớn vào khả năng ứng phó với các cú sốc bên ngoài và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô.

### DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2026 CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Vibiz Monitoring, tháng 01/2026



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

### 1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

#### 1.1. Thông tin trong kỳ

##### 1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Cung dầu mỏ*

Trong tháng 01/2026, thị trường nguồn cung dầu thô toàn cầu tiếp tục chịu tác động đan xen từ các quyết sách điều tiết sản lượng, diễn biến địa chính trị và xu hướng điều chỉnh chiến lược của các quốc gia sản xuất lớn.

Khối OPEC+ vẫn đóng vai trò then chốt trong điều kiện cung dầu khi tạm dừng việc tăng sản lượng trong quý I/2026 sau khi đã mở rộng sản lượng trong cuối năm 2025. Đầu tháng 01/2026, tám nước OPEC+ đã thực hiện cắt giảm sản lượng kể từ năm 2023, bao gồm Ả Rập Xê Út, Nga, Iraq, UAE, Kuwait, Kazakhstan, Algeria và Oman - đã tái khẳng định quyết định tạm dừng việc tăng sản lượng theo tháng trong suốt quý I.

Bên cạnh đó, xuất khẩu dầu nhiên liệu của Nga sang châu Á tính đến ngày 26/01 đạt khoảng 1,2 triệu tấn (khoảng 246.000 thùng mỗi ngày) và đang trên đà giảm tháng thứ ba liên tiếp. Sự sụt giảm này xảy ra do một số lô hàng được chuyển hướng đến các cơ sở lưu trữ trước khi tái xuất khẩu, so với mức xuất khẩu 2,5 triệu tấn trong tháng 01/2025.

Canada và Brazil cũng ghi nhận mức sản lượng dầu thô tăng nhẹ trong tháng 01/2026, do hoạt động khai thác dầu nặng và dầu đá phiến phát triển mạnh, tăng nguồn cung từ các quốc gia ngoài OPEC, góp phần làm dãn đảo tổng cung dầu mỏ thế giới.

Đáng chú ý, Iran đã xuất khẩu được 1,2 triệu thùng dầu thô/ngày trong tháng 01/2026 khi một số biện pháp hạn chế trừng phạt được nới lỏng gián tiếp, giúp nâng tổng khối lượng dầu chảy vào thị trường quốc tế trong bối cảnh nhu cầu chưa bật mạnh.

Bức tranh nguồn cung dầu trong tháng 1/2026 cũng phản ánh tác động của hoạt động tích trữ dầu thô tại các thị trường lớn, đặc biệt là Trung Quốc khi lượng dầu thô dư thừa của Trung Quốc đã tăng vọt lên 2,67 triệu thùng/ngày trong tháng 12, tăng từ 1,88 triệu thùng/ngày trong tháng 11 và là mức cao nhất kể từ 2,27 triệu thùng/ngày được ghi nhận vào tháng 6 năm 2020, khi quốc gia mua dầu thô lớn nhất thế giới này đang mua ô ạt dầu giá rẻ trong thời kỳ đỉnh điểm của đại dịch COVID-19.

### ▪ Cầu dầu mỏ

Trong tháng 01/2026, nhu cầu dầu mỏ tại các thị trường lớn phản ánh các diễn biến kinh tế và địa chính trị phức tạp làm tăng biến động tiêu thụ và nhập khẩu.

Trung Quốc là nước có nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới, vẫn duy trì mức nhập khẩu cao trong những tháng cuối 2025 và đầu 2026, với lượng dầu nhập trái phép và hợp pháp đạt kỷ lục vào tháng 12/2025 (khoảng 13,18 triệu thùng/ngày) và tiếp tục ở mức cao trong tháng 1/2026 nhờ nhu cầu chế biến dầu thô tăng và hoạt động tích trữ chiến lược cao.

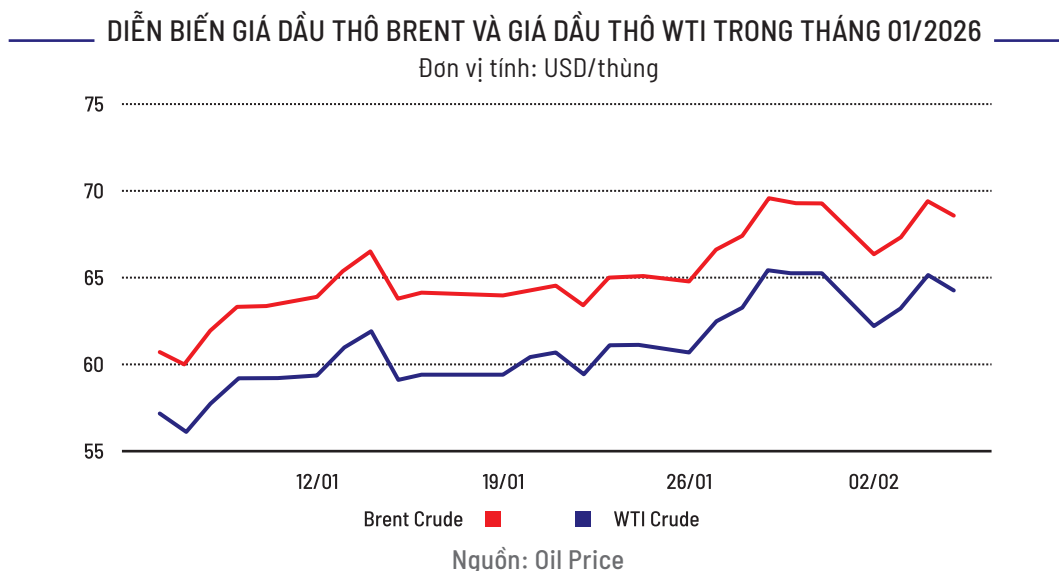
Một diễn biến khác tại Hoa Kỳ, nhu cầu xăng dầu tiêu thụ trong nước và hoạt động giao dịch hợp đồng dầu thô tăng cao trong tháng 01/2026, khi các nhà giao dịch tìm cách phòng ngừa rủi ro liên quan tới căng thẳng địa chính trị (như căng thẳng giữa Mỹ và Iran) và biến động nguồn cung từ Venezuela.

Đặc biệt, các nhà đầu tư đã đổ xô mua dầu ở mức giá kỷ lục trong tháng 1 trong bối cảnh lo ngại về nguồn cung dầu thô của Iran và lượng dầu Venezuela vận chuyển đến bờ biển Vịnh Mexico của Mỹ ngày càng tăng. Việc phòng ngừa rủi ro có thể giúp các nhà sản xuất giảm thiểu rủi ro và bảo vệ sản lượng của họ khỏi những biến động mạnh trên thị trường bằng cách ấn định giá dầu.

### ▪ Diễn biến giá

Trong tháng 01/2026, giá dầu thô toàn cầu ghi nhận nhiều biến động rõ rệt trước áp lực từ cán cân cung - cầu, rủi ro địa chính trị và dữ liệu vĩ mô

Tháng đầu năm giá dầu thô Brent và WTI tăng mạnh, với Brent ghi nhận mức tăng 12% trong tháng 1/2026, mức tăng theo tháng lớn nhất kể từ giữa năm 2023. Giá dầu Brent tiêu chuẩn tham chiếu toàn cầu đã tăng từ mức 64 - 65 USD/thùng vào đầu tháng lên mức trên 70 USD/thùng vào cuối tháng 01/2026.



Ngày 28/1 (theo giờ địa phương), Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết dự trữ dầu thô tại Mỹ đã giảm 2,3 triệu thùng xuống còn 423,8 triệu thùng, trái ngược so với dự báo của các nhà phân tích về mức tăng 1,8 triệu thùng, việc dự trữ dầu thô tại Mỹ giảm bất ngờ đã hỗ trợ giá dầu. Bên cạnh đó, việc đồng USD dao động ở mức thấp nhất trong 4 năm đã giữ giá dầu thô ở mức cao.

### 1.1.2. Thị trường trong nước

#### ▪ *Cung dầu mỏ*

Nguồn cung xăng dầu cho thị trường Việt Nam tiếp tục được đảm bảo chủ động và linh hoạt trong tháng đầu năm. Các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu lớn như Petrolimex, Saigon Petro và các doanh nghiệp khác đã rà soát và điều chỉnh kế hoạch cung ứng từ cuối năm 2025 để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sau Tết Nguyên đán và đầu năm mới.

Đối với nguồn cung xăng dầu dịp Tết Nguyên đán, trong tháng 1/2026, Petrolimex đã xây dựng kế hoạch đảm bảo nguồn và đàm phán mua hàng tháng 1/2026 với lượng hàng dự kiến lên đến gần 784.000 m<sup>3</sup>, đáp ứng khoảng 90% nhu cầu dự kiến, thể hiện sự chuẩn bị kỹ lưỡng ngay từ tháng 12/2025.

Tổng công ty Xăng dầu Quân đội cũng đã xây dựng kế hoạch chi tiết từng tháng; ưu tiên tối đa nguồn nhập từ các nhà máy lọc dầu trong nước để cung ứng ra thị trường, đồng thời bổ sung nguồn nhập khẩu để bù đắp thiếu hụt cục bộ theo cơ cấu chủng loại thị trường.

Bộ Công Thương cũng yêu cầu toàn bộ hệ thống thương nhân đầu mối, phân phối và bán lẻ bảo đảm nguồn cung xăng dầu ổn định, liên tục trước và sau Tết Bính Ngọ 2026, không để xảy ra gián đoạn từ khâu đầu mối đến các cửa hàng bán lẻ. Các doanh nghiệp được yêu cầu cân đối lượng hàng giữa sản xuất trong nước và nhập khẩu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ dự trữ và sẵn sàng ứng phó trong mọi tình huống thị trường.

#### ▪ *Cầu dầu mỏ*

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tại thị trường Việt Nam tăng cao hơn mức bình quân hàng tháng do nhu cầu đi lại và sản xuất dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ.

Theo kế hoạch do Tổng công ty Xăng dầu Quân đội (Mipec) xây dựng, nhu cầu xăng dầu trong tháng 1/2026 dự kiến khoảng trên 1,1 triệu m<sup>3</sup>/tấn, chủ yếu tập trung vào xăng và dầu diesel phục vụ vận tải, sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Bên cạnh đó, thị trường xăng dầu Việt Nam chuẩn bị chuyển đổi mạnh sang nhiên liệu sinh học, công tác chuẩn bị đáp ứng nhu cầu phối trộn ethanol cho xăng E10. Theo Bộ Công Thương, nguồn cung ethanol (E100) hiện tại có thể được đáp ứng một phần từ 6 nhà máy trong nước với tổng công suất thiết kế khoảng 500.000 m<sup>3</sup>/năm, tương đương khoảng 40 - 50 % nhu cầu phối trộn cho xăng E10 và E5, phần còn thiếu sẽ được bổ sung qua nhập khẩu từ các thị trường lớn như Mỹ và

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 02/2026

Brazil trong giai đoạn trước và sau khi xăng E10 được tiêu thụ rộng rãi. Điều này cho thấy nhu cầu ethanol và gián tiếp là nhu cầu xăng E10 sẽ tăng nhanh khi lộ trình triển khai Thông tư 50/2025/TT-BCT được thực hiện, bởi từ ngày 1/6/2026 xăng E10 sẽ được phối trộn và sử dụng trên phạm vi toàn quốc thay thế xăng khoáng truyền thống, phù hợp với cam kết giảm phát thải và phát triển nhiên liệu bền vững.

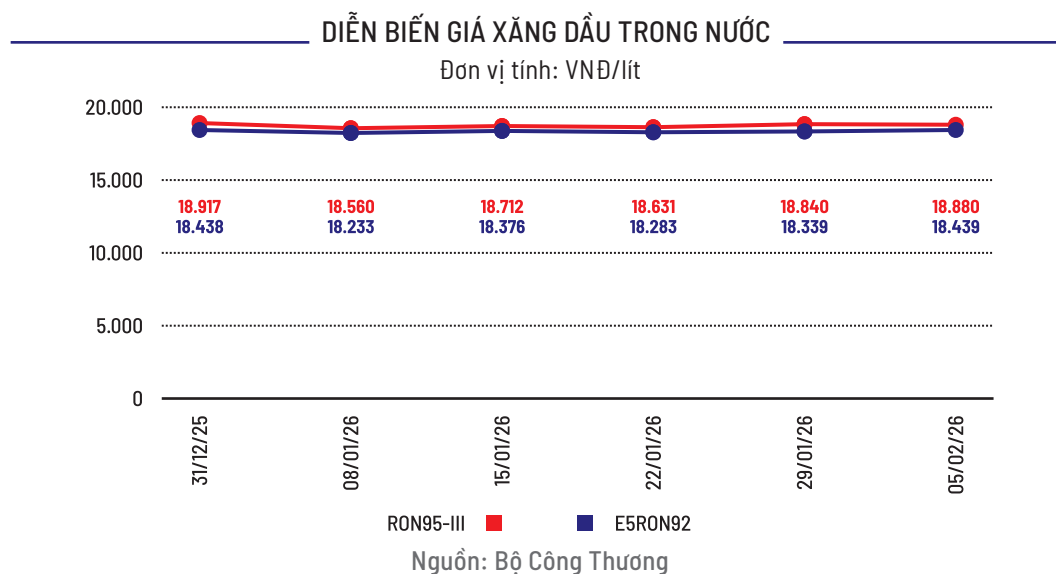
### ▪ Diễn biến giá

Tháng 01/2026, giá xăng dầu trong nước có biến động rõ rệt theo cả hướng giảm và tăng trong các kỳ điều hành giá khác nhau, phản ánh ảnh hưởng từ diễn biến giá dầu thế giới và chính sách quản lý giá.

Ngay từ đầu tháng, theo điều chỉnh giá của liên Bộ Công Thương - Tài chính có hiệu lực từ 15h ngày 08/01/2026, giá xăng E5RON92 giảm khoảng 205 đồng/lít và RON95-III giảm khoảng 357 đồng/lít, mức mới lần lượt không cao hơn khoảng 18.233 đồng/lít và 18.560 đồng/lít, trong khi giá dầu diesel và kerosene cũng giảm nhẹ trong kỳ này.

Ở giữa tháng, diễn biến lại cho thấy giá xăng có xu hướng giảm nhẹ khi E5RON92 được điều chỉnh xuống còn khoảng 18.283 đồng/lít và RON95-III xuống 18.631 đồng/lít, trong khi giá dầu diesel và một số sản phẩm dầu khác lại tăng nhẹ.

Đến cuối tháng 01/2026, các điều chỉnh giá tiếp tục diễn ra theo xu hướng tăng: tại kỳ công bố giá có hiệu lực từ 15h ngày 29/01/2026, giá RON95-III tăng khoảng 214 đồng/lít lên tối đa khoảng 18.845 đồng/lít, trong khi E5RON92 tăng khoảng 56 đồng/lít lên khoảng 18.339 đồng/lít; giá diesel và kerosene cũng được điều chỉnh tăng trong kỳ này.



Bên cạnh đó, tình trạng khó khăn kéo dài của các doanh nghiệp bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam do mức chiết khấu từ đầu mối và nhà phân phối quá thấp, khiến hoạt

động kinh doanh gần như không có lợi nhuận. Theo đánh giá của các chủ doanh nghiệp bán lẻ ở TP.HCM và các tỉnh lân cận, mức chiết khấu thường chỉ ở 200 - 400 đồng/lít (có lúc chỉ 100 - 200 đồng/lít), trong khi họ vẫn phải tự chịu những chi phí khác nên nhiều cây xăng lỗ khoảng 300 đồng/lít và buộc phải giảm sản lượng tiêu thụ để hạn chế thua lỗ.

## 1.2. Dự báo

### 1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

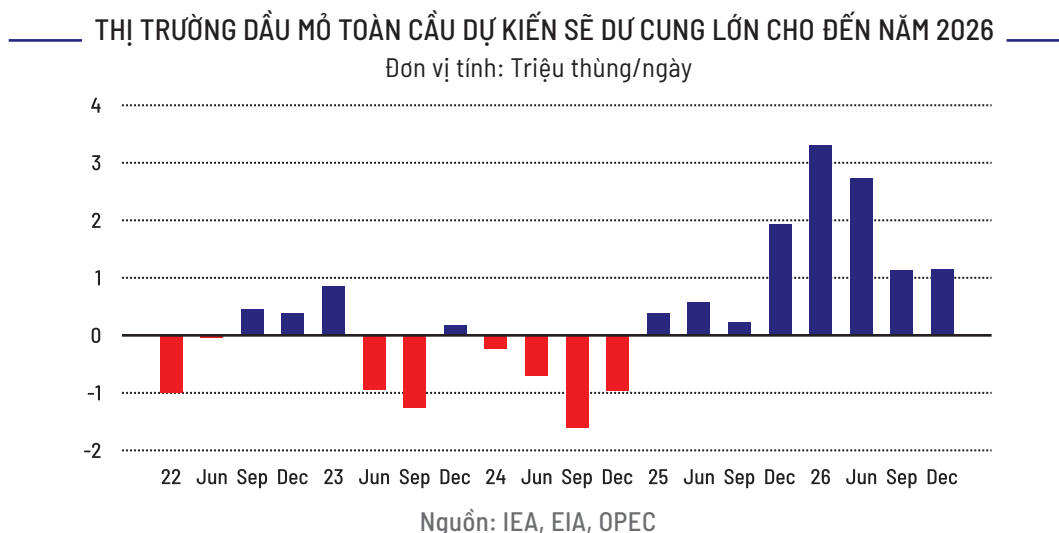
#### ▪ Cung dầu mỏ

Bức tranh dự báo cho thấy nguồn cung dầu thế giới tiếp tục ở trạng thái dư thừa trong tháng 1/2026. Các tổ chức quốc tế và cơ quan phân tích đều đưa ra dự báo với điểm chung là dự kiến sản lượng sẽ tăng, dẫn đến dư cung trên phạm vi toàn cầu.

Trong báo cáo Thị trường dầu mỏ mới nhất công bố ngày 21/01, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) nhận định nguồn cung dầu toàn cầu được dự báo sẽ tăng 2,5 triệu thùng/ngày trong năm nay lên 108,7 triệu thùng/ngày, sau mức tăng 3 triệu thùng/ngày vào năm 2025, phần lớn tăng trưởng đến từ các nhà sản xuất ngoài OPEC+, trong khi tồn kho dầu thô và sản phẩm tiếp tục duy trì ở mức cao.

Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) trong Triển vọng năng lượng ngắn hạn công bố ngày 13/01 cũng dự báo rằng sản lượng nhiên liệu lỏng toàn cầu sẽ tiếp tục tăng vào năm 2026, với mức tăng khoảng 1,4 triệu thùng/ngày, chủ yếu từ cả OPEC+ và các nước ngoài khối như các nước Nam Mỹ.

Về triển vọng của các ngân hàng lớn, Goldman Sachs tiếp tục nhận định thị trường dầu năm 2026 sẽ dư cung chi phối và đưa ra dự báo mức giá trung bình 56 đô la/thùng, đồng thời cảnh báo dầu Brent có thể giảm về 51 đô la/thùng nếu Nga và Ukraine đạt được thỏa thuận hòa bình.



### ▪ *Cầu dầu mỏ*

Một số dự báo chính thức trong tháng 01/2026 từ các tổ chức lớn cho thấy nhu cầu dầu toàn cầu dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2026 nhưng tốc độ tăng sẽ không quá mạnh và chịu ảnh hưởng cả bởi yếu tố giá và điều kiện kinh tế thế giới.

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã nâng dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu trong năm này lên khoảng 930.000 thùng/ngày (bpd), cao hơn mức dự báo khoảng 860.000 bpd trước đó, do triển vọng phục hồi kinh tế và sự bình thường hóa tiêu dùng sau các biến động thị trường năm trước.

Bên cạnh đó, IEA cũng xác nhận tăng trưởng nhu cầu dầu thế giới được dự báo ở mức gần 0,93 mb/d trong năm 2026, dù thị trường vẫn đối mặt với dư cung đáng kể trong quý đầu năm.

OPEC cũng dự báo nhu cầu dầu mỏ thế giới sẽ tăng vào năm 2026 (với tốc độ tương tự cho cả năm 2027). Theo đó, OPEC dự báo nhu cầu dầu mỏ sẽ tăng 1,34 triệu thùng mỗi ngày vào năm 2027, gần bằng mức tăng trưởng 1,38 triệu thùng mỗi ngày dự kiến trong năm nay, và quá trình chuyển đổi sang nhiên liệu sạch hơn sẽ diễn ra chậm hơn so với một số dự đoán.

### ▪ *Diễn biến giá*

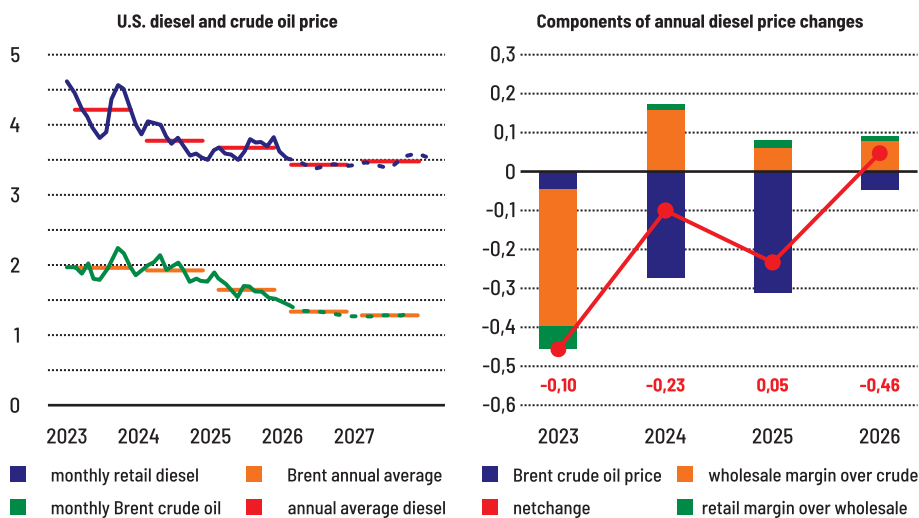
Trong tháng 1/2026, xu hướng dự báo giá dầu thế giới tập trung vào kỳ vọng giá duy trì quanh mức thấp hơn so với các năm trước, do dư cung toàn cầu và tăng trưởng nhu cầu tương đối chậm.

EIA đưa ra dự báo chính thức cho năm 2026, trong đó giá Brent bình quân được kỳ vọng ở mức khoảng 56 USD/thùng trong năm 2026, giảm khoảng 19% so với năm 2025, và giá WTI khoảng 52 USD/thùng, do dự báo sản lượng toàn cầu vượt hơn nhu cầu, khiến tồn kho tăng. Báo cáo Triển vọng năng lượng ngắn hạn cũng nhấn mạnh rằng giá dầu Brent giao ngay bình quân năm 2025 đạt 69,04 USD/thùng.

Bên cạnh đó, BNP Paribas dự đoán giá dầu Brent có thể giảm xuống 55 USD/thùng trong quý I/2026 trước khi phục hồi về mức 60 USD/thùng trong phần còn lại của năm, do tăng trưởng nguồn cung dần ổn định và nhu cầu không có biến động lớn.

Ngân hàng Goldman Sachs cũng tiếp tục dự báo giá dầu bình quân cho năm 2026 là khoảng 56 USD/thùng cho Brent và 52 USD/thùng cho WTI, với khả năng neo ở thấp hơn vào cuối năm nếu tồn kho toàn cầu tiếp tục gia tăng.

DỰ BÁO GIÁ DẦU DIESEL VÀ DẦU THÔ CỦA HOA KỲ



Nguồn: EIA

1.2.2. Thị trường trong nước

▪ **Cung dầu mỏ**

Trong tháng 1/2026, ngành dầu khí Việt Nam tập trung công bố các kế hoạch và dự báo nhằm đảm bảo nguồn cung dầu thô, sản phẩm xăng dầu trong nước không bị thiếu hụt hay đứt gãy trong mọi tình huống thị trường.

Tại Hội nghị tổng kết công tác điều hành và cung ứng xăng dầu năm 2025 tổ chức ngày 16/1/2026, Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước (Bộ Công Thương) nhấn mạnh mục tiêu “không để thiếu, không để đứt gãy nguồn cung xăng dầu trong mọi tình huống” trong năm 2026, đồng thời yêu cầu các doanh nghiệp đầu mối phải thực hiện nghiêm kế hoạch tổng nguồn tối thiểu được phân giao và tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm để tạo cân đối cung - cầu cho thị trường nội địa ngay từ đầu năm.

Cũng theo các văn bản điều hành được công bố liên quan đến kế hoạch năm 2026, Bộ Công Thương đã yêu cầu các đơn vị sản xuất trong nước như nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn vận hành ổn định, giữ vững sản lượng và tiến độ giao hàng, và các thương nhân đầu mối cân đối nguồn hàng từ cả sản xuất trong nước và nhập khẩu để phục vụ tiêu dùng trong giai đoạn cao điểm Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, nhằm tránh gián đoạn cung ứng.

Ngoài các kế hoạch tổng nguồn, Bộ Công Thương đã phân giao tổng lượng xăng dầu tối thiểu gần 31,8 triệu m<sup>3</sup>/tấn cho năm 2026, tương đương bình quân khoảng 2,65 triệu m<sup>3</sup>/tháng, nhằm đảm bảo nguồn cung đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất tiếp tục tăng, đồng thời hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm nay. Định hướng này được xây dựng dựa trên dự báo nhu cầu trong nước sẽ tăng trong suốt năm 2026.

### ▪ Cầu dầu mỏ

Theo dự báo của cơ quan chuyên môn, nhu cầu sử dụng xăng dầu dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 sẽ tăng so với thời điểm trước đó. Để đảm bảo nguồn cung xăng dầu, các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh đã chủ động nhập hàng cũng như xây dựng phương án cung ứng trong dịp tết.

Dự báo của Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn cho thấy trong tháng 2/2026 - thời điểm trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 nhu cầu về xăng, dầu sẽ tăng cao hơn tháng trước đó. Dự kiến sản lượng xăng dầu tiêu thụ trung bình mỗi ngày của công ty khoảng 300m<sup>3</sup>/ngày, tăng gần 20% so với những ngày của tháng 1/2026. Đặc biệt, trong 7 ngày nghỉ Tết Nguyên đán, dự kiến trung bình mỗi ngày sản lượng tiêu thụ sẽ vào khoảng 400 - 450m<sup>3</sup>/ngày.

Bên cạnh đó, PVOIL đã đưa ra kế hoạch phục vụ nhu cầu cả quý I/2026, trong đó dự kiến nhu cầu khoảng 1,3 triệu m<sup>3</sup> cho toàn quý và thậm chí chuẩn bị nguồn dự phòng lên tới 1,4 triệu m<sup>3</sup>, tăng khoảng 10-15 % so với mức tiêu thụ bình quân hàng tháng, thể hiện dự báo nhu cầu tăng trong giai đoạn đầu năm

### ▪ Diễn biến giá

Trong tháng 1/2026, Viện Dầu khí Việt Nam (VPI) đã công bố các dự báo có tính tổng quan về xu hướng giá xăng dầu trong nước, giá bán lẻ xăng dầu có xu hướng đi lên trong giai đoạn đầu năm, chịu tác động chính từ diễn biến giá dầu thế giới và chính sách điều hành. Theo mô hình Machine Learning của VPI, giá bán lẻ xăng E5 RON 92 và RON 95-III trong nước có khả năng tăng nhẹ trong các kỳ điều chỉnh đầu năm, với mức tăng dự báo có thể từ 1,4% đến 4,9% so với kỳ trước, nếu liên Bộ Công Thương - Tài chính không sử dụng Quỹ Bình ổn giá.

Phương án điều hành giá xăng dầu của liên Bộ Công Thương nhằm bảo đảm biến động giá xăng dầu trong nước phù hợp với biến động giá xăng dầu thế giới; tiếp tục duy trì mức chênh lệch giá giữa xăng sinh học E5RON92 và xăng khoáng RON95 ở mức hợp lý để khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học theo chủ trương của Chính phủ; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia thị trường.

## 2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

### 2.1. Thông tin trong kỳ

#### 2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung khí*

Theo dữ liệu do công ty phân tích Kpler cung cấp, Hoa Kỳ đã cung cấp 60% lượng khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) cho Liên minh châu Âu trong tháng 01/2026, khẳng định vai trò là nhà cung cấp LNG chủ đạo của nước này tại châu Âu trong bối cảnh một số quan chức châu Âu ngày càng lo ngại về sự phụ thuộc ngày càng tăng vào năng lượng của Hoa Kỳ. Tỷ lệ này cao hơn so với tháng trước và tháng 1/2025, thời điểm Mỹ cung cấp 53% lượng hàng nhập khẩu của EU.

Tuy nhiên, theo dữ liệu sơ bộ từ công ty tài chính LSEG, xuất khẩu khí đốt tự nhiên hóa lỏng từ Mỹ đã giảm trong tháng 1 xuống còn 11,3 triệu tấn (giảm so với mức kỷ lục 11,5 triệu tấn của tháng 12) do đợt rét đậm vào cuối tháng đã khiến một số nhà máy phải đóng cửa và sản lượng giảm tại các nhà máy khác.

Lượng khí đốt chảy vào các nhà máy LNG của Mỹ đã giảm xuống mức thấp nhất trong một năm vào ngày 26/01. Nhà máy Freeport LNG đã phải ngừng hoạt động một phần trong thời gian đóng băng, trong khi nhà máy của Kinder Morgan đã nhập khẩu khí LNG từ Trinidad và Tobago sau khi ngừng tiếp nhận khí đốt trong tuần xảy ra đợt đóng băng.

##### ▪ *Cầu khí*

Trong tháng 1/2026, nhu cầu khí tự nhiên toàn cầu không tăng đồng loạt, mà thể hiện sự phân hóa mạnh giữa các khu vực.

Theo báo cáo của GECF, thời tiết lạnh trong tháng 1/2026 đã khiến nhu cầu khí cho sưởi ấm và phát điện tăng lên rõ rệt, thể hiện qua tốc độ rút khí khỏi kho lưu trữ - có thời điểm xuống mức thấp nhất kể từ sau khủng hoảng năng lượng 2022. Tuy nhiên, nhu cầu khí tổng thể của khu vực không tăng mạnh, do hoạt động công nghiệp vẫn suy yếu, đặc biệt trong các ngành tiêu thụ nhiều năng lượng như hóa chất và luyện kim.

Tại Hoa Kỳ, nhu cầu khí tự nhiên có sự tăng rõ rệt, chủ yếu đến từ khu vực dân cư và thương mại do các đợt lạnh kéo dài tại nhiều bang. Theo dữ liệu của EIA, mức tiêu thụ khí cho sưởi ấm tăng mạnh trong nửa đầu tháng 01/2026, khiến giá khí nội địa biến động tăng trong ngắn hạn, đồng thời làm gia tăng áp lực lên cân đối cung - cầu trong nước.

Tại châu Á, ghi nhận dấu hiệu nhu cầu LNG cải thiện tại một số quốc gia nhập khẩu chủ chốt, trong bối cảnh giá LNG giảm và nguồn cung dồi dào. Trung Quốc, Ấn Độ và một số nền kinh tế Đông Á bắt đầu tăng mua LNG ngay từ đầu năm, chủ yếu phục vụ phát điện và nhu cầu công nghiệp.

▪ **Diễn biến giá**

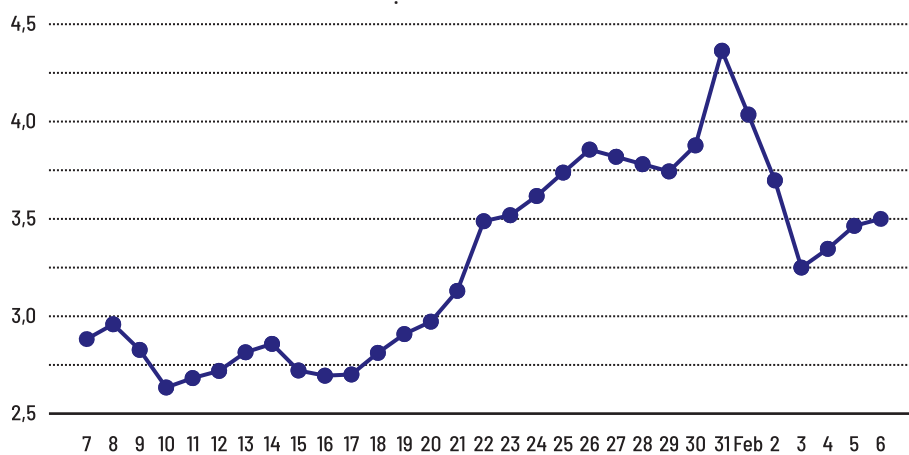
Trong tháng 1/2026, giá khí tự nhiên và khí LNG trên thị trường quốc tế có xu hướng biến động mạnh trong bối cảnh cung khí tăng dồi dào nhưng tồn kho thấp tại một số khu vực và thời tiết mùa đông ảnh hưởng đến nhu cầu. Các dữ liệu thị trường ghi nhận giá khí tự nhiên chuẩn giao dịch tại các sàn quốc tế dao động quanh khoảng 3,4 - 3,5 USD/MMBtu đầu tháng 2/2026, thấp hơn mức đỉnh gần đây nhưng vẫn cao hơn cùng kỳ năm trước theo dữ liệu thị trường hàng hóa.

Thời tiết, chính sách tích trữ và dòng chảy LNG từ Mỹ đang cùng lúc tác động lên thị trường khí đốt châu Âu, khiến giá biến động mạnh dù khu vực chưa đối mặt nguy cơ mất điện trong ngắn hạn. Theo Gas Infrastructure Europe, tổ chức đại diện các nhà vận hành hệ thống lưu trữ, truyền dẫn và LNG trong khu vực, tính đến ngày 29/1, lượng khí đốt dự trữ của EU chỉ còn khoảng 490 terawatt giờ, tương đương 43% công suất kho chứa. So với cùng kỳ năm ngoái, mức dự trữ này thấp hơn khoảng 130 toa tàu chở hàng cỡ lớn. Đây là tỷ lệ thấp nhất theo mùa kể từ năm 2022, thời điểm xung đột tại Ukraine đã gây ra cuộc khủng hoảng nguồn cung năng lượng nghiêm trọng trên toàn khối.

Trái với xu hướng áp lực giá tăng tại châu Âu, giá khí LNG giao ngay tại thị trường châu Á trong tháng 1/2026 giảm mạnh, chạm mức thấp nhất gần hai năm qua. Dữ liệu thị trường cho thấy giá giao ngay tại châu Á chỉ còn ~9 USD/mmBtu, lần đầu tiên giảm dưới ngưỡng 10 USD/mmBtu kể từ đầu năm 2020 trong giai đoạn nhu cầu sưởi ấm cao.

DIỄN BIẾN GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: Investing

### 2.1.2. Thị trường trong nước

Trong bối cảnh nguồn khí nội địa suy giảm theo thời gian, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) chủ động triển khai các giải pháp đảm bảo cung ứng khí tự nhiên liên tục cho điện lực và hoạt động công nghiệp trong nước. Cụ thể, PV GAS tập trung mở rộng hạ tầng lưu trữ - nhập khẩu LNG (như kho LNG Thị Vải) và phát triển trung tâm khí tại nhiều vùng, giúp nâng cao khả năng cung cấp khí và đa dạng hóa nguồn cung, cũng như xây dựng các kịch bản điều độ linh hoạt để ứng phó với biến động của nhu cầu và nguồn cung trong năm 2026.

Giá gas trong nước vẫn chịu tác động lớn từ thị trường quốc tế, do nguồn cung LPG nội địa chưa đáp ứng đủ nhu cầu, buộc Việt Nam phải nhập khẩu phần lớn LPG phục vụ tiêu dùng dân dụng và công nghiệp. Theo thông tin từ các doanh nghiệp kinh doanh LPG, giá CP tháng 1/2026 được chốt ở mức khoảng 522,5 USD/tấn, tăng so với tháng 12/2025. Diễn biến này kéo theo giá gas bán lẻ trong nước điều chỉnh tăng ngay từ đầu năm 2026. Tại các đô thị lớn như Hà Nội và TP.HCM, giá bình gas dân dụng 12kg tăng phổ biến 18.000-20.000 đồng/bình, trong khi bình công nghiệp 48kg tăng mạnh hơn do chi phí vận chuyển và lưu kho cao.

Bên cạnh yếu tố giá, nhu cầu LPG trong nước trong giai đoạn cuối năm 2025 - đầu năm 2026 được ghi nhận tăng rõ rệt, do trùng với mùa lạnh và cao điểm tiêu dùng trước Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Bính Ngọ. Nhu cầu tăng tập trung ở khối hộ gia đình và khối sản xuất - dịch vụ, khi nhiều doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động để phục vụ thị trường Tết.

## 2.2. Dự báo

### 2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

#### ▪ *Cung khí*

Trong tháng 01/2026, các dự báo tập trung nhiều vào thông tin về nguồn cung khí tự nhiên, đặc biệt là khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), sẽ tăng mạnh trong năm 2026, tạo ra dòng cung dồi dào hơn cho thị trường toàn cầu.

Theo báo cáo thị trường Khí đốt quý I/2026 của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nguồn cung LNG toàn cầu dự kiến sẽ tăng hơn 7% trong năm 2026, tương đương hơn 40 tỷ m<sup>3</sup>/ năm, phần lớn tăng trưởng đến từ khu vực Bắc Mỹ (Mỹ, Canada và Mexico), giúp thị trường khí toàn cầu bớt thắt chặt và hỗ trợ nhu cầu ở các khu vực mới nổi như châu Á.

Cùng với đó, các phân tích từ Shell và báo cáo của EIA cũng chỉ ra rằng nguồn cung LNG toàn cầu sẽ tăng tốc trong năm 2026, vượt 7 - 10%, mức tăng nhanh nhất trong nhiều năm gần đây, khi nhiều cơ sở mới đi vào vận hành, đặc biệt là ở Mỹ và Qatar, tạo đà cho thị trường LNG dồi dào hơn. Sự gia tăng nguồn cung dự kiến kéo theo áp lực giảm giá LNG giao ngay tại các khu vực châu Á và châu Âu, đồng thời mở ra cơ hội tăng nhu cầu tiêu thụ tại các nước nhập khẩu lớn nếu giá khí tiếp tục giảm.

Tương tự, trong báo cáo Triển vọng nguồn cung LNG năm 2026 của ADI Analytics công bố ngày 13/01, dự báo nguồn cung LNG toàn cầu sẽ tăng khoảng 7% vào năm 2026, vượt xa tốc độ tăng trưởng nhu cầu khí đốt toàn cầu dự kiến khoảng 2%.

Bên cạnh đó, Kpler, nhà cung cấp thông tin về năng lượng và hàng hóa S&P Global Energy, và công ty nghiên cứu độc lập Rystad Energy, dự báo nguồn cung LNG toàn cầu trong năm 2026 có thể tăng tới 10% so với năm ngoái. Còn theo dự báo của Bloomberg Intelligence, khối lượng giao dịch LNG toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng từ 7,5% đến 8% trong năm 2026, nhờ làn sóng nguồn cung mới và mức giá thấp hơn giúp kích cầu tiêu thụ.

### ▪ Cầu khí

Trong tháng 1/2026, các dự báo có xu hướng tăng trưởng nhu cầu khí tự nhiên và LNG trên phạm vi toàn cầu trong năm 2026, phản ánh triển vọng tiêu thụ khí mở rộng chủ yếu nhờ nhu cầu từ châu Á và các thị trường mới nổi.

Theo báo cáo mới nhất từ IEA, nhu cầu khí tự nhiên toàn cầu được dự báo sẽ đạt mức cao kỷ lục trong năm 2026 với tăng trưởng gần 2% so với năm trước, phần lớn nhờ nhu cầu tiêu thụ tăng ở Trung Quốc và khu vực châu Á - Thái Bình Dương khi nguồn cung LNG mở rộng và giá khí giảm nhẹ tạo thuận lợi cho tiêu dùng.

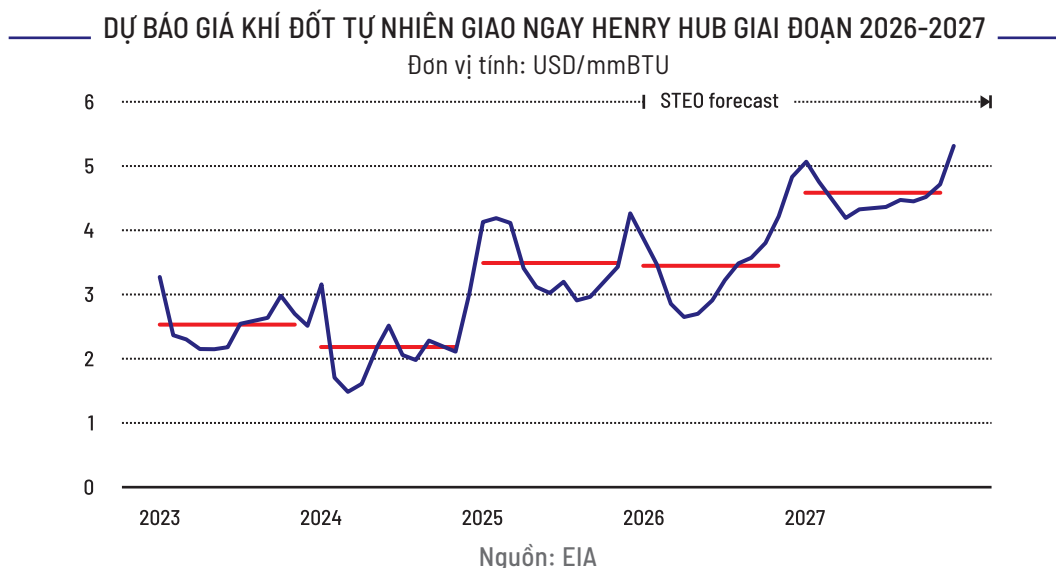
Báo cáo cũng chỉ ra nhu cầu khí tự nhiên tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương dự kiến tăng khoảng 4% trong năm 2026, chiếm gần một nửa tổng mức tăng cầu khí toàn cầu, trong khi châu Âu có thể ghi nhận nhu cầu giảm nhẹ do mở rộng năng lượng tái tạo, và Bắc Mỹ được dự báo duy trì nhu cầu khí tương đối ổn định.

Theo dự báo từ Rystad, Kpler và S&P Global Energy, nhu cầu LNG của châu Á, vốn giảm vào năm 2025 do nhạy cảm về giá và cạnh tranh từ các nhiên liệu thay thế, được dự báo sẽ phục hồi từ 4% đến 7% trong năm nay, dẫn đầu bởi Trung Quốc và Ấn Độ khi giá thấp hơn thúc đẩy việc mua giao ngay, chuyển đổi nhiên liệu và tích trữ thêm. Các hợp đồng mới cũng sẽ góp phần làm tăng nhập khẩu, với nhu cầu của Trung Quốc dự kiến tăng từ 6 triệu đến 7 triệu tấn và nhu cầu của Ấn Độ tăng 5 triệu tấn.

Bên cạnh đó, châu Âu đã trở thành động lực thúc đẩy nhu cầu khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) toàn cầu sau khi cắt giảm nguồn cung từ Nga sau cuộc xâm lược toàn diện của Moscow vào Ukraine. Kpler dự báo nhập khẩu LNG của châu Âu năm 2026 sẽ tăng 22 triệu tấn, trong khi Rystad dự đoán mức tăng 20 triệu tấn và Energy Aspects cùng ICIS dự báo mức tăng khoảng 13 triệu tấn. Điều này được thúc đẩy bởi nhu cầu bơm khí vào kho dự trữ cao hơn sau khi lượng tồn kho cuối mùa đông giảm, tiêu thụ khí đốt trong nước tăng cao trong bối cảnh giá TTF trung bình giảm

### ▪ Diễn biến giá

Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá khí tự nhiên chuẩn Henry Hub sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp hơn trong thời gian tới, với giá trung bình dự kiến khoảng 3,38 USD/MMBtu trong quý 1/2026 do dự báo mùa đông “ấm hơn bình thường” và tồn kho khí tại Mỹ cao hơn mức kỳ vọng trước đó, khiến áp lực giảm giá gia tăng.



Tại châu Á, giá khí LNG giao ngay tại khu vực này đã rơi xuống mức thấp nhất gần hai năm, khoảng ~9 USD/MMBtu, do nguồn cung LNG toàn cầu dư thừa, đồng thời dự báo cho thấy giá LNG trung bình khu vực trong cả năm 2026 được kỳ vọng vẫn ở mức thấp hơn so với các năm trước, nếu nguồn cung mới tiếp tục gia tăng.

Theo dự báo được Bernstein công bố vào đầu tháng 01/2026, giá LNG giao ngay có thể giảm từ mức khoảng 12 USD/mmBtu năm 2025 xuống trung bình khoảng 9 USD/mmBtu trong giai đoạn 2026-2027, do làn sóng nguồn cung mới được bổ sung mạnh mẽ từ các dự án lớn như Golden Pass, North Field (Qatar) và các cơ sở khí tại Mỹ, tạo ra thị trường dư cung và đẩy giá xuống.

### 2.2.2. Thị trường trong nước

Trong tháng đầu năm 2026, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) ký hợp đồng cung cấp LNG dài hạn đầu tiên với đối tác quốc tế Shell. Theo đó Shell sẽ cung cấp khoảng 400.000 tấn LNG mỗi năm cho Việt Nam tại kho cảng Thị Vải trong giai đoạn 2027-2031. Thỏa thuận này không chỉ đóng vai trò đảm bảo nguồn LNG trung hạn, mà còn thể hiện xu hướng định hướng dài hạn trong đảm bảo nguồn cung khí cho sản xuất điện và công nghiệp.

Bên cạnh đó, nguồn cung khí nội địa Việt Nam đang có xu hướng suy giảm từ một số mỏ cũ, do đó việc phát triển mỏ khí Lô B - Ô Môn và năng lực khí LNG nhập khẩu được đưa vào sử dụng đầy đủ sẽ là yếu tố then chốt ảnh hưởng tới cung - cầu khí trong nước và giá khí trong trung hạn. Dự án này dự kiến mang lại khoảng 5 - 6 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm và được kỳ vọng bù đắp phần nào nguồn khí nội địa sụt giảm, tạo sự ổn định hơn cho thị trường khí Việt Nam.

### 3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

#### 3.1. Thông tin trong kỳ

##### 3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Cung phân bón*

Trong tháng 1/2026, nguồn cung phân bón toàn cầu từ các nhà máy tại Trung Đông, Bắc Phi và một số khu vực châu Á vẫn hoạt động ổn định. Tuy nhiên, thị trường vẫn rơi vào trạng thái cung chặt do các vấn đề logistics và vận chuyển, khiến lượng hàng có thể giao thực tế thấp hơn đáng kể so với sản lượng trên lý thuyết, đặc biệt tại các điểm xuất khẩu lớn ở khu vực Vịnh Ba Tư.

Lượng phân urê, sản xuất tại các quốc gia xuất khẩu chủ lực như Trung Đông và Ai Cập vẫn được duy trì ở mức ổn định. Tuy nhiên, áp lực về logistics làm hạn chế khả năng giao hàng nhanh ra thị trường, khiến nguồn cung thực tế kém linh hoạt. Do đó, thị trường urê tiếp tục duy trì trạng thái cung chặt.

Nguồn cung amoniac toàn cầu nhìn chung vẫn ở mức thắt chặt và khó điều chỉnh trong ngắn hạn. Nguyên nhân là phần lớn sản lượng được phân phối thông qua các hợp đồng dài hạn giữa nhà sản xuất với người mua tại châu Âu và Bắc Mỹ, trong khi khối lượng giao ngay khá hạn chế. Cơ cấu này khiến thị trường amoniac thiếu tính linh hoạt khi xuất hiện các biến động cung - cầu ngắn hạn.

Đối với lưu huỳnh và các dòng phân lân, nguồn cung đã ổn định hơn so với giai đoạn cuối năm 2025 nhưng vẫn chưa rơi vào trạng thái dư thừa. Bên cạnh đó, chi phí đầu vào và logistics duy trì ở mức cao tiếp tục là rào cản, khiến các nhà sản xuất khó mở rộng mạnh công suất và gia tăng nguồn cung ra thị trường.

###### ▪ *Cầu phân bón*

Nhu cầu phân bón toàn cầu trong tháng 1/2026 tiếp tục duy trì trạng thái thận trọng và chưa ghi nhận sự phục hồi rõ rệt. Tại nhiều thị trường, người mua chủ yếu tập trung mua theo nhu cầu ngắn hạn để phục vụ mùa vụ trước mắt, đồng thời hạn chế tích trữ do mặt bằng giá còn cao và rủi ro logistics chưa được giải tỏa. Trong bối cảnh đó, không ít thị trường lựa chọn trì hoãn quyết định mua hoặc chỉ tham gia với khối lượng nhỏ, chờ đợi thêm tín hiệu rõ ràng hơn về xu hướng giá cũng như khả năng giao hàng.

Riêng với urê, nhu cầu chưa xuất hiện yếu tố đột biến, Ấn Độ và Brazil vẫn giữ vai trò then chốt đối với cán cân cầu toàn cầu, song trong tháng 01/2026 chủ yếu ở trạng thái theo dõi và thăm dò thị trường. Ấn Độ chưa đẩy mạnh nhập khẩu, trong khi Brazil ưu tiên tiêu thụ lượng tồn kho đã nhập từ các tháng trước. Do đó, thị trường urê trở nên đặc biệt nhạy cảm với khả năng xuất hiện các gói thầu mua quy mô lớn, vốn có thể nhanh chóng kích hoạt làn sóng tăng cầu trong thời gian ngắn.

Tại Trung Quốc, nhu cầu ure nội địa duy trì ở mức ổn định theo yếu tố mùa vụ, song hoạt động xuất khẩu tiếp tục chịu kiểm soát chặt chẽ. Trong khi đó, khu vực Đông Nam Á ghi nhận nhu cầu phục vụ vụ đầu năm ở mức vừa phải, với xu hướng mua rải rác và thận trọng nhằm giảm thiểu rủi ro biến động giá.

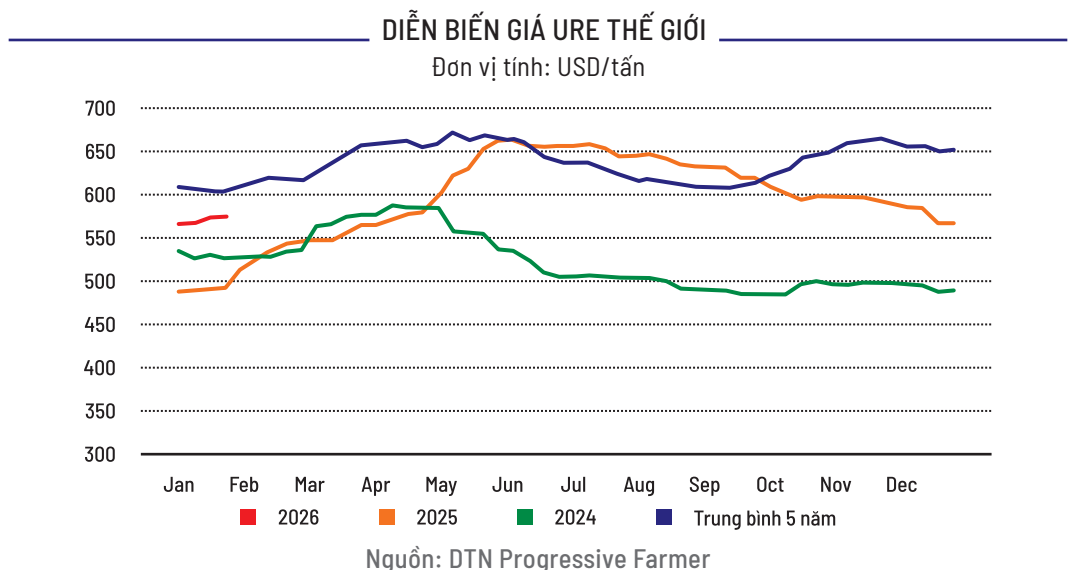
Đối với lưu huỳnh và các dòng phân lân, nhu cầu đã hạ nhiệt so với giai đoạn cuối năm 2025. Trung Quốc và Maroc duy trì mức tiêu thụ nền, trong khi các thị trường nhập khẩu như Ấn Độ và Đông Nam Á có xu hướng mua chọn lọc theo diễn biến giá, khiến đà tăng nhu cầu diễn ra chậm và có sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực.

▪ **Diễn biến giá**

Trong tháng 1/2026, giá ure trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng đi lên và duy trì ở vùng cao. Tại các khu vực xuất khẩu chủ lực, mức giá giao dịch vẫn neo quanh các ngưỡng cao, phản ánh tình trạng cung ứng kém linh hoạt. **Riêng tại thị trường Mỹ, giá ure bình quân vào cuối tháng 01/2026 đạt khoảng 580 - 590 USD/tấn, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.**

Đối với các dòng phân lân, mặt bằng giá DAP và MAP tiếp tục được duy trì ở mức cao, chịu tác động đáng kể từ chi phí đầu vào như amoniac, lưu huỳnh cùng với chi phí vận chuyển. Trong tháng, **DAP được giao dịch trong khoảng 840 - 860 USD/tấn, trong khi MAP dao động quanh 860 - 880 USD/tấn,** cho thấy thị trường phân lân chưa xuất hiện tín hiệu giảm giá rõ ràng.

Ở nhóm phân kali, giá trong tháng 01/2026 tương đối ổn định và ít biến động, phản ánh nguồn cung không dư thừa trong khi nhu cầu duy trì ở mức nền. Mặt bằng giá kali ghi nhận phổ biến quanh 480-490 USD/tấn, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục tạo áp lực chi phí đối với người sử dụng.



### 3.1.2. Thị trường trong nước

#### ▪ *Cung phân bón*

Nguồn cung phân urê tại Việt Nam trong giai đoạn đầu năm 2026 nhìn chung duy trì trạng thái ổn định và chủ động, nhờ hệ thống các nhà máy quy mô lớn vận hành liên tục.

Trong tháng 1/2026, sản lượng urê giảm so với tháng trước do Đạm Phú Mỹ thực hiện bảo dưỡng định kỳ, tuy nhiên thị trường không rơi vào tình trạng thiếu hụt nhờ lượng tồn kho đầu kỳ ở mức cao, đủ bù đắp cho phần sụt giảm sản xuất.

Đối với phân lân và NPK, tổng nguồn cung NPK ghi nhận giảm nhẹ so với tháng 12/2025, song vẫn duy trì trạng thái sẵn sàng cho thị trường nhờ lượng tồn kho lớn, chưa tạo áp lực lên khả năng đáp ứng nhu cầu.

Bên cạnh đó, tổng nguồn cung DAP thu hẹp so với tháng trước khi cả sản lượng nội địa và khối lượng nhập khẩu đều ở mức thấp. Dù vậy, lượng tồn kho hiện hữu vẫn đủ để tránh gián đoạn thị trường, trong bối cảnh Việt Nam chưa hoàn toàn tự chủ đối với mặt hàng này.

Riêng với phân kali, Việt Nam vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nhập khẩu. Nguồn cung trong tháng 01/2026 nhìn chung ổn định nhờ các hợp đồng dài hạn đã được ký kết, song vẫn tiềm ẩn rủi ro từ các biến động về logistics và địa chính trị quốc tế do mức độ phụ thuộc lớn vào thị trường bên ngoài.

#### ▪ *Cầu phân bón*

Nhu cầu phân bón tại Việt Nam trong tháng 1/2026 tiếp tục duy trì ở mức cao theo yếu tố mùa vụ, chủ yếu phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp trong nước.

Ở nhóm phân đạm, nhu cầu urê giữ ổn định, gắn với sản xuất lúa Đông Xuân và các loại cây trồng ngắn ngày. Trong khi đó, NPK và các dòng phân phức hợp ghi nhận mức tiêu thụ tích cực. Tuy nhiên, việc giá phân bón duy trì ở vùng cao tiếp tục tạo áp lực lên chi phí sản xuất, khiến người sử dụng có xu hướng tiết giảm lượng bón và lựa chọn sản phẩm một cách chọn lọc hơn. Hoạt động mua vào chủ yếu dựa trên nhu cầu thực tế, hạn chế tích trữ, do đó mức tăng nhu cầu theo mùa vụ không mang tính bùng nổ.

#### ▪ *Diễn biến giá*

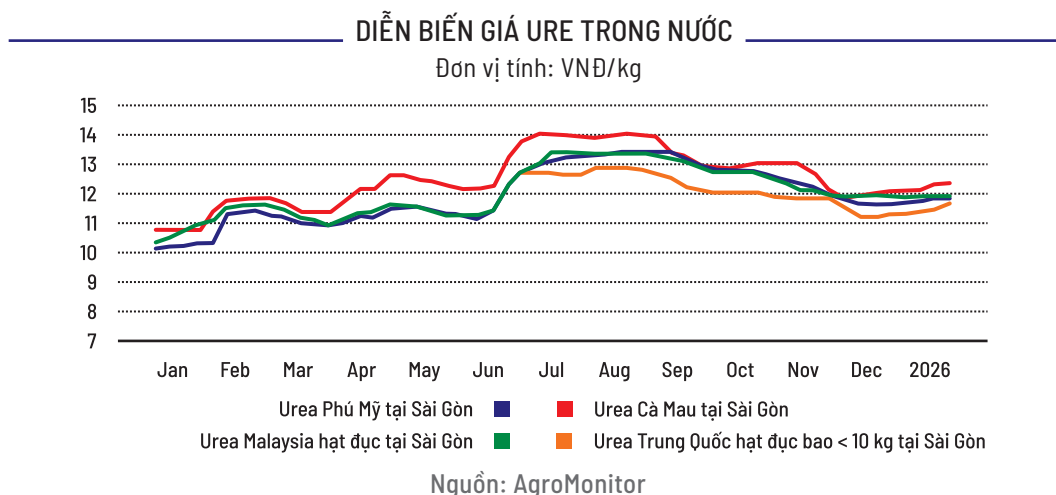
Trong tháng 1/2026, giá phân bón tại thị trường Việt Nam tiếp tục duy trì ở mặt bằng cao, dù đã hạ nhiệt nhẹ so với giai đoạn đạt đỉnh trước đó.

Đối với phân urê, khảo sát tại nhiều cửa hàng vật tư nông nghiệp ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Nam Bộ cho thấy giá bán các sản phẩm phổ biến như Urê Phú Mỹ, Urê Cà Mau và urê nhập khẩu dao động trong khoảng 600.000 - 640.000 đồng/bao (50 kg), vẫn cao hơn khoảng 70.000 - 100.000 đồng/bao so với cùng kỳ năm trước.

Ở nhóm phân lân DAP, giá trong tháng ghi nhận biên độ dao động khá rộng tùy theo thương hiệu và nguồn cung. Các sản phẩm DAP Hồng Hà và DAP Tường Phong được giao dịch phổ biến quanh 1.250.000 - 1.350.000 đồng/bao, trong khi một số dòng DAP nội địa hoặc nhập khẩu khác có mức giá thấp hơn, song nhìn chung vẫn cao so với mặt bằng nhiều năm gần đây.

Giá phân NPK và các dòng phức hợp cũng duy trì ở mức tương đối cao trong tháng 01/2026. Các loại NPK 20-20-15 và 20-20-15 TE (Con Cò, Đầu Trâu, Sông Gianh) được chào bán trong khoảng 900.000 - 1.020.000 đồng/bao, phản ánh nhu cầu chăm bón vụ mùa ở mức lớn cùng với chi phí đầu vào gia tăng. Nhóm NPK 16-16-8 cũng giao dịch ở vùng giá cao tương tự do chịu áp lực từ chi phí sản xuất và vận chuyển.

Đối với phân kali, giá bán trong tháng 01/2026 tiếp tục neo cao so với các giai đoạn trước. Các loại kali nhập khẩu từ Israel và Canada phổ biến được giao dịch quanh 740.000 - 750.000 đồng/bao, phản ánh chi phí nhập khẩu và giá nguyên liệu đầu vào cao hơn đáng kể so với mặt bằng lịch sử.



### 3.2. Dự báo

#### 3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

- **Cung phân bón**

Trong tháng 01/2026, các báo cáo thị trường quốc tế dự báo nguồn cung phân bón toàn cầu tiếp tục duy trì trạng thái tương đối ổn định trong năm 2026, khác biệt so với giai đoạn 2022 - 2024 khi thị trường chịu nhiều gián đoạn lớn.

Theo tổng hợp từ MBS Research và các nguồn quốc tế, sản lượng phân đạm (như urê) được kỳ vọng cải thiện nhờ một số dự án mới và nhà máy tái khởi động ở Mỹ Latin, Trung Đông và Nga, giúp giảm bớt phụ thuộc nhập khẩu cho một số khu vực.

Đồng thời, nguồn cung nguyên liệu cho phân lân và kali từ Bắc Phi, Nga và Canada được đánh giá vẫn dồi dào, dù Trung Quốc có thể thay đổi chính sách xuất khẩu nếu giá nội địa ổn định hơn.

Tuy nhiên, cung phân bón vẫn chịu rủi ro từ chi phí khí tự nhiên tại châu Âu, các chính sách thương mại (thuế môi trường, hạn chế xuất khẩu) và biến động địa chính trị ảnh hưởng đến logistics toàn cầu.

### ▪ *Cầu phân bón*

Trong giai đoạn 2026 - 2027, nhu cầu phân bón toàn cầu được dự báo tăng trưởng ở mức vừa phải, phản ánh yêu cầu đảm bảo an ninh lương thực và xu hướng phục hồi sản xuất nông nghiệp sau giai đoạn chi phí đầu vào cao.

Theo Hiệp hội Phân bón Quốc tế (IFA), tiêu thụ phân bón toàn cầu dự kiến tăng khoảng 2,2%, đạt khoảng 205 triệu tấn, phản ánh nhu cầu bón phân tiếp tục được thúc đẩy bởi các vùng sản xuất chính như Nam Á, Đông Nam Á và Nam Mỹ, nơi nông nghiệp thương mại quy mô lớn vẫn cần lượng phân bón đáng kể để duy trì năng suất và đảm bảo an ninh lương thực.

### ▪ *Diễn biến giá*

Trong các báo cáo thị trường cập nhật đầu năm 2026, xu hướng giá phân bón trên thế giới được dự báo có khuynh hướng ổn định hoặc giảm nhẹ sau giai đoạn biến động mạnh trong vài năm trước đó.

Theo nhận định của các tổ chức phân tích ngành, giá urê thế giới nhiều khả năng dao động quanh vùng 400 - 450 USD/tấn trong năm 2026, gần tương đương với mặt bằng giá trung bình toàn cầu của năm 2025, trong bối cảnh cung và cầu không có biến động lớn đột ngột và công suất phân bón mới đi vào hoạt động ở nhiều khu vực. Việc nhiều dự án nhà máy nitrogen tại Trung Đông, Mỹ Latin và Nga tái khởi động góp phần làm ổn định nguồn cung urê, hỗ trợ hạn chế đà tăng giá.

Các dòng phân lân và kali cũng được dự báo biến động nhẹ hoặc đi ngang khi nguyên liệu từ Bắc Phi, Canada và Nga tiếp tục duy trì dồi dào. Tuy nhiên, những yếu tố như chi phí khí tự nhiên tại châu Âu, các chính sách thương mại (thuế carbon, hạn chế xuất khẩu) và rủi ro địa chính trị vẫn là yếu tố tiềm ẩn có thể tạo dao động giá cục bộ trong ngắn hạn.

Các dòng phân bón gốc nitơ ghi nhận xu hướng biến động trái chiều. Theo dữ liệu thị trường đầu năm 2026 từ DTN và Farm Progress, giá UAN có xu hướng điều chỉnh nhẹ theo yếu tố mùa vụ và tồn kho, trong khi giá Anhydrous Ammonia duy trì ở mức cao do chi phí năng lượng mùa đông và sự phụ thuộc vào giá khí tự nhiên.

### 3.2.2. *Thị trường trong nước*

#### ▪ *Cung phân bón*

Trong các dự báo thị trường công bố đầu năm 2026, triển vọng nguồn cung phân bón nội địa Việt Nam được đánh giá ở mức ổn định và có xu hướng cải thiện nhẹ trong năm tới nhờ sự kết hợp giữa sản xuất nội địa và chính sách hỗ trợ.

Theo báo cáo triển vọng ngành phân bón 2026 của MBS Research, nguồn cung urê trong nước dự kiến duy trì ổn định khi các nhà máy sản xuất chính như Đạm Phú Mỹ (DPM) và Đạm Cà Mau (DCM) tiếp tục vận hành hiệu quả, giúp giảm thiểu rủi ro gián đoạn cung đối với thị trường nội địa.

Đồng thời, việc áp dụng mức thuế VAT đầu ra 5% từ giữa năm 2025 được kỳ vọng giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, nâng cao khả năng cạnh tranh so với hàng nhập khẩu và củng cố nguồn cung nội địa trong năm tới.

Về phân kali, nguồn cung trong thời gian tới chủ yếu thông qua các hợp đồng dài hạn với các thị trường truyền thống như Canada và Nga, giúp giảm rủi ro thiếu hụt ngắn hạn. Tuy nhiên, do phụ thuộc vào thị trường quốc tế, nguồn cung kali vẫn tiềm ẩn rủi ro từ biến động logistics và địa chính trị.

### ▪ *Cầu phân bón*

Nhu cầu phân bón tại Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì ở mức ổn định và có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2026 nhờ các yếu tố nội tại của ngành nông nghiệp.

Theo báo cáo triển vọng ngành và thị trường phân bón, nhu cầu phân bón trong nước tiếp tục được hỗ trợ bởi giá nông sản tương đối thuận lợi, duy trì diện tích gieo trồng ổn định và chính sách thuế VAT đầu ra 5% chính thức có hiệu lực từ giữa năm 2025, giúp cải thiện sức mua và khả năng bón phân của nông dân.

### ▪ *Diễn biến giá*

Giá phân bón nội địa Việt Nam trong năm 2026 được dự báo ở mức ổn định hoặc điều chỉnh nhẹ, phụ thuộc chủ yếu vào diễn biến giá thế giới và chi phí sản xuất.

Theo MBS, giá urê trong nước nhìn chung theo sát giá chuẩn toàn cầu, đặc biệt là giá ở Trung Đông và Trung Quốc, mặc dù việc điều chỉnh thường chậm hơn do mức tồn kho và các yếu tố mùa vụ. Chu kỳ mùa vụ đông xuân của Việt Nam cũng khác với các thị trường lớn khác.

Ngoài ra, theo dự báo của Chứng khoán Rồng Việt (VDSC), giá bán phân Urê, DAP và NPK trong nước (sau khi tính thuế VAT 5%) vẫn có thể tăng nhẹ khoảng 2-4% so với cùng kỳ năm 2025, trong khi nếu tính theo giá chưa bao gồm thuế thì các loại này có thể giảm nhẹ.

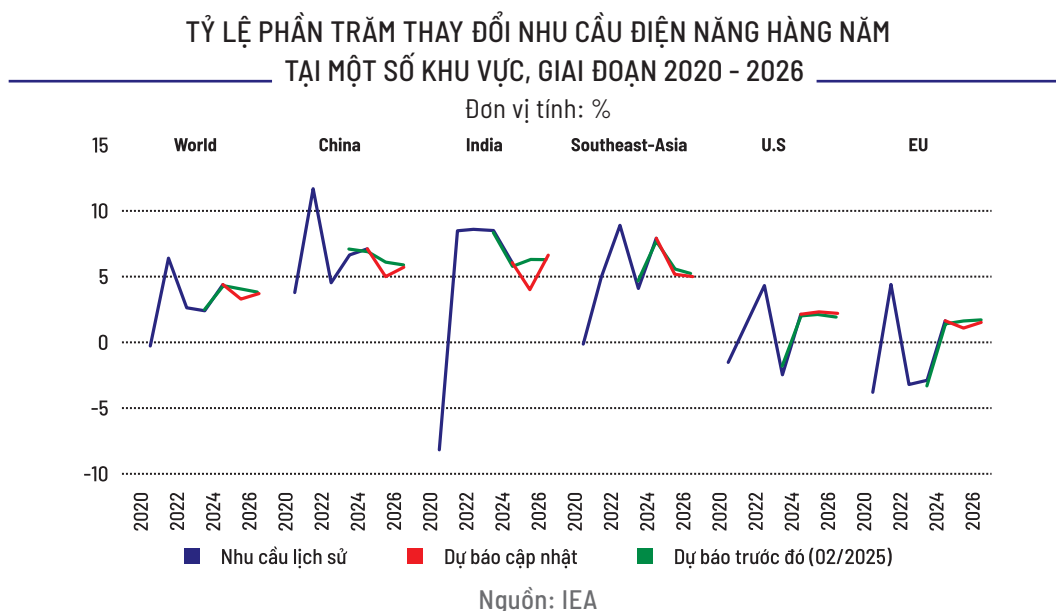
Các yếu tố như chi phí nguyên liệu đầu vào, diễn biến giá khí đốt quốc tế, giá vận tải và xu hướng giá toàn cầu được cho là các nhân tố chính ảnh hưởng tới diễn biến giá trong nước. Mức điều chỉnh giá trong năm 2026 được đánh giá sẽ “mềm” hơn so với những biến động mạnh của các năm trước, phản ánh sự cân bằng hơn giữa cung và cầu toàn cầu.

## 4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

### 4.1. Thông tin trong kỳ

#### 4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 1/2026, IEA tiếp tục nhấn mạnh điện năng là động lực trọng tâm trong tăng trưởng tiêu thụ năng lượng toàn cầu. Theo nhận định về hệ thống điện được IEA cập nhật gần đây, nhu cầu điện đang tăng mạnh hơn tổng năng lượng tiêu thụ, phản ánh sự chuyển dịch mạnh mẽ sang nền kinh tế điện hoá rộng khắp, đặc biệt ở các nước đang phát triển.



Theo phân tích của ExPro, nhập khẩu điện của Ukraine đã tăng 40% trong tháng 01/2026 so với tháng 12/2025, đạt mức kỷ lục 894 gigawatt giờ, trong bối cảnh Nga liên tục tấn công hệ thống năng lượng của Ukraine, đạt kỷ lục 894 GWh, do các đợt tấn công vào cơ sở hạ tầng năng lượng khiến sản lượng điện nội địa suy giảm.

AleaSoft Energy Forecasting cho thấy giá điện tại thị trường chính của châu Âu tăng trở lại sau kỳ nghỉ đầu năm, vì nhiệt độ giảm, nhu cầu tăng và giá khí đốt ở châu Âu leo thang, làm chi phí sản xuất điện bằng khí và than tăng. Giá trung bình ở nhiều thị trường lớn như Italy, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha từng vượt trên €100/MWh trong tuần đầu tiên của tháng, trong khi các nước như Đức và Anh ghi nhận mức giá thấp hơn nhưng vẫn có dao động mạnh theo thời tiết và sản lượng tái tạo.

Bên cạnh đó, các báo cáo nêu áp lực lớn lên giá điện và chi phí vận hành hệ thống tại Hoa Kỳ, phản ánh yếu tố cầu đang gia tăng. Các công ty điện lực Mỹ đã yêu cầu tăng giá điện thêm 31 tỷ đô la, chủ yếu để tài trợ cho mở rộng lưới điện, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và phục vụ nhu cầu tăng cao từ các trung tâm dữ liệu và các tải điện công nghiệp lớn.

### 4.1.2. Thị trường trong nước

Hệ thống điện quốc gia ghi nhận nhu cầu tiêu thụ điện tăng mạnh trở lại trong tháng 01/2026, đặc biệt từ khối sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Số liệu vận hành do EVN công bố cho thấy công suất huy động hệ thống có thời điểm đạt gần 48 GW.

Để đáp ứng tăng trưởng nhu cầu, hệ thống điện Việt Nam tiếp tục huy động các nguồn điện nhiệt điện than, thủy điện, điện khí và điện nhập khẩu một cách linh hoạt. Trong các ngày cao điểm phụ tải, thủy điện và nhiệt điện than được huy động mạnh, còn điện gió - điện mặt trời mái nhà hỗ trợ vào các khung giờ có nắng. Song song đó, các kế hoạch điều độ được phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo an toàn vận hành, cân đối cung - cầu điện liên tục trong suốt tháng.

Bên cạnh đó, tháng 01/2026 diễn ra nhiều cuộc trao đổi chính sách liên quan tới giá điện và cơ chế thị trường. Cụ thể, các chuyên gia và cơ quan quản lý khuyến nghị đẩy mạnh thí điểm giá điện hai thành phần (bao gồm giá năng lượng và giá công suất), đặc biệt áp dụng với các khách hàng sản xuất lớn để phản ánh đúng chi phí vận hành và khuyến khích sử dụng hiệu quả điện năng.

## 4.2. Dự báo

### 4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), nhu cầu điện toàn cầu dự kiến tiếp tục tăng mạnh trong năm 2026, với tốc độ tăng trưởng khoảng 3,7%, cao hơn đáng kể so với tổng nhu cầu năng lượng do điện hóa mở rộng trong nhiều ngành như công nghiệp, sưởi lạnh, điều hòa và trung tâm dữ liệu. Dự báo này cũng đưa tổng tiêu thụ điện toàn cầu vượt 29.000 TWh trong năm 2026, đánh dấu mức cao kỷ lục và nhấn mạnh vai trò trung tâm của điện trong chuyển dịch năng lượng toàn cầu.

Cùng thời điểm, báo cáo của Rystad Energy chỉ ra rằng nhu cầu điện từ khu thương mại dự kiến đạt hơn 6.900 TWh trong 2026, tăng khoảng 5,1% so với năm trước, chủ yếu do sự mở rộng các trung tâm dữ liệu và thương mại, trong khi nhu cầu từ ngành vận tải điện hóa được kỳ vọng tăng 10,8% trong cùng giai đoạn.

Các xu hướng khác được dự báo trong tháng 1/2026 bao gồm sự dịch chuyển mạnh sang nguồn tái tạo khi điện gió và điện mặt trời được kỳ vọng tăng trưởng đáng kể, góp phần vào tổng nguồn cung điện toàn cầu tăng khoảng 20% chỉ trong năm 2026 theo một số mô hình dự báo, phản ánh tầm quan trọng ngày càng lớn của năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện, ngay cả khi nguồn điện truyền thống như than và khí vẫn giữ vai trò nền tảng trong nhiều khu vực.

Ngoài ra, báo cáo của UBP Investment Outlook 2026 dự báo rằng tiêu thụ điện toàn cầu sẽ tiếp tục gia tăng mạnh trong 3 năm tới, tương đương tăng thêm khoảng 3.000 TWh điện tiêu thụ từ 2026 đến 2029, nhấn mạnh rằng nhu cầu điện được thúc đẩy không chỉ bởi tăng trưởng kinh tế mà còn bởi sự mở rộng điện hóa các ngành công nghiệp, giao thông và hạ tầng số hóa toàn cầu.

### 4.2.2. Thị trường trong nước

Tháng 01/2026 ghi nhận nhiều dự báo chiến lược và định hướng phát triển thị trường điện Việt Nam cho năm 2026 và giai đoạn tiếp theo.

Ngày 18/01, chỉ thị và kế hoạch đảm bảo cung ứng điện phục vụ sản xuất - kinh doanh và đời sống nhân dân đã được ban hành, trong đó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp điện lực phối hợp chặt chẽ để không để xảy ra tình trạng thiếu điện trong năm 2026 và cả giai đoạn 2027 - 2030, kết hợp với việc thúc đẩy tiến độ các dự án nguồn và lưới điện nhằm tránh ách tắc cung ứng khi nhu cầu phụ tải tăng cao. Đây được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh giao thương, sản xuất và dịch vụ phục hồi mạnh mẽ ngay từ đầu năm.

Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng điện sẽ tiếp tục tăng mạnh trong giai đoạn thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Cụ thể, theo một số phân tích dự báo cho giai đoạn này, nhu cầu điện có thể tăng tới khoảng 12 - 13% mỗi năm, đặc biệt khi các xu hướng số hóa, điện hóa ngành sản xuất và công nghiệp dữ liệu ngày càng phát triển tại Việt Nam. Điều này đặt ra áp lực lớn lên hệ thống điện quốc gia và yêu cầu triển khai sớm các dự án nguồn mới và dự phòng nguồn nhằm đáp ứng phụ tải tăng.

Các tín hiệu thị trường và dự báo từ các tổ chức nghiên cứu trong nước chỉ ra năm 2026 sẽ là năm tăng tốc trong việc phát triển hạ tầng điện, với nhu cầu điện tăng mạnh hơn tỷ lệ tăng GDP dù mục tiêu tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức 7 - 8%.



## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 01/2026 vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, đặt ra không ít thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

*Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho Petrovietnam, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:*

- Petrovietnam cần tập trung tối ưu hiệu quả vận hành các nhà máy điện khí hiện hữu, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp đối tác và thị trường điện để tối đa hóa thời gian huy động trong các giai đoạn cao điểm mùa khô, mùa nắng nóng (quý II-III), giúp nâng cao hệ số sử dụng tài sản, cải thiện dòng tiền và đóng góp tích cực vào an ninh năng lượng quốc gia.
- Trước bối cảnh điện khí LNG ngày càng được ưu tiên trong Quy hoạch Điện VIII, Petrovietnam cần chủ động đa dạng hóa và củng cố nguồn khí đầu vào, thông qua việc tăng cường liên kết chuỗi khí - điện - LNG giữa các đơn vị thành viên, kết hợp hài hòa giữa hợp đồng LNG trung, dài hạn và nguồn giao ngay. Cách tiếp cận này không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro biến động giá, mà còn đảm bảo tính liên tục và ổn định cho các dự án điện khí trọng điểm đang và sắp đi vào vận hành.
- Về mặt chính sách và đầu tư dài hạn, xu hướng chung cho thấy Nhà nước tiếp tục ưu tiên phát triển điện khí, LNG và năng lượng sạch, đồng thời đẩy mạnh đầu tư hạ tầng lưới điện. Do đó cần chủ động tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách liên quan đến giá điện khí, hợp đồng mua bán điện (PPA) và thị trường điện cạnh tranh. Việc chuẩn bị sớm các kịch bản đầu tư cho giai đoạn 2026 - 2030 sẽ đưa Tập đoàn chuyển dịch từ vai trò doanh nghiệp dầu khí truyền thống sang doanh nghiệp năng lượng tích hợp, phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng và mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.
- Petrovietnam cần ưu tiên nâng cao việc kiểm soát chi phí, tối ưu vốn đầu tư và đánh giá hiệu quả dự án. Trong bối cảnh năm 2026 được dự báo là năm tăng trưởng cao của nhu cầu điện nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro giá khí, việc tăng cường phân tích tài chính, quản trị dòng tiền và cấu trúc vốn linh hoạt sẽ giúp Tập đoàn duy trì sức khỏe tài chính ổn định, đồng thời tạo dư địa cho các khoản đầu tư chiến lược trung - dài hạn.

- Đồng thời cần chú trọng hơn tới phát triển nguồn nhân lực và năng lực quản lý mới, phù hợp với quá trình chuyển dịch sang LNG, điện khí và năng lượng sạch. Theo đó, đào tạo chuyên sâu về thị trường điện cạnh tranh, quản trị LNG, quản lý rủi ro, cũng như nâng cao năng lực hoạch định chiến lược trong môi trường biến động. Việc chuẩn bị đội ngũ nhân sự am hiểu cả kỹ thuật lẫn thị trường sẽ là yếu tố then chốt để Petrovietnam không chỉ vận hành tốt tài sản hiện hữu mà còn dẫn dắt các mô hình kinh doanh mới.
- Bên cạnh đó, thị trường năng lượng ngày càng đòi hỏi phản ứng nhanh và quyết định dựa trên dữ liệu, Petrovietnam cần đẩy mạnh ứng dụng số hóa trong quản lý vận hành, dự báo nhu cầu, tối ưu bảo dưỡng và phân tích thị trường, qua đó nâng cao hiệu quả vận hành và giảm chi phí. Việc xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung, kết nối giữa các đơn vị thành viên sẽ giúp lãnh đạo Tập đoàn có cái nhìn toàn diện và kịp thời hơn trong công tác điều hành.

# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 02/2026

## PHỤ LỤC I

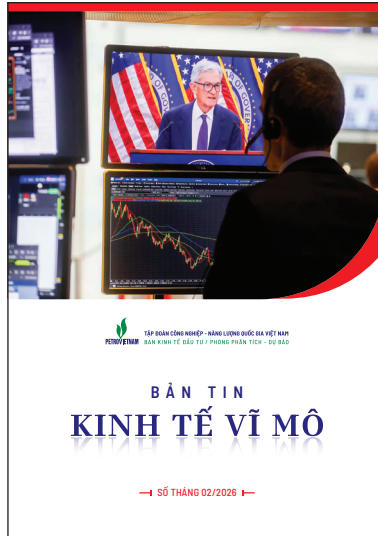
### KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 01 NĂM 2026

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 01 năm 2026	1 tháng đầu năm 2026	Tỷ lệ so sánh (%)		
					A	B	C
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	-	99,8	121,5	-
3	<b>Hoạt động của doanh nghiệp</b>						
3.1	Thành lập mới	DN	21.164	48.696	140,9	226,8	145,6
3.2	Quay lại hoạt động	DN	24.532	-	246,2	107,6	-
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	66.176	-	-	113,5	-
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	54.264	-	-	102,8	-
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	7.303	-	57,9	209,1	-
	- Hoàn tất giải thể	DN	4.609	-	91,4	228,1	-
4	<b>Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội</b>	Nghìn tỷ					
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	43.122	-	-	119,3	-
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	1,49	-	-	123,8	-
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	1,68	-	-	111,3	-
5	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng</b>	Nghìn tỷ	632,4	-	102,6	109,3	-
6	<b>Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa</b>	Tỷ USD					
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	43,19	-	98	129,7	-
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	44,97	-	100,6	149,2	-
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Nhập siêu 1,78	-	-	-	-
7	<b>Chỉ số giá</b>						
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,05	102,53	-
7.2	Chỉ số giá vàng				105,02	177,1	-
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				99,71	103,18	-
7.4	Lạm phát cơ bản				100,35	103,19	-

A: Tháng 01/2026 so với tháng 12/2025

B: Tháng 01/2026 so với tháng 01/2025

C: Bình quân 1 tháng đầu năm 2026 so với năm 2025



Ảnh bìa: Fed đã giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp chính sách đầu tiên của năm 2026.

Michael Nagle / Bloomberg via Getty Images



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM**  
BAN KINH TẾ ĐẦU TƯ / PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**  
*phối hợp thực hiện*